

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ THI
(MÔN MIỄN HỌC PHẢI THI)**

Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Môn thi: GE005DV01 -Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2
Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái
SV không dự thi, ghi chữ VẮNG rõ ràng

Ngày thi: 2025-12-27
Giờ thi: 13:30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ngày sinh	Tên Lớp	Số tờ/ Số file – dung lượng file	Chữ ký	Điểm	Số hiệu lớp - học kỳ	Ghi chú
1	22500986	Phạm Anh Quân	14/3/2005	TN25111				3735 - 2531	QĐ số 3128/QĐ-Đ

Số SV trong danh sách: 1

Số SV dự thi: _____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi

Giám thị 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày_____tháng_____năm_____

Giám thị 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc chương trình

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

Vương Ngọc Tiên

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1100 – Số hiệu lớp: 3712
Giảng viên: Huỳnh Phan Thanh Thanh
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503180	ĐÀO MINH	ANH	16/08/07	LW25111			
2	22503617	NGUYỄN NGỌC TRÂM	ANH	06/11/04	LW25111			
3	22502179	LÊ	ÂN	08/08/07	LW25111			
4	22503548	PHẠM GIA	BẢO	02/05/03	LW25111			Cấm thi
5	22503209	TRẦN KHÁNH	BĂNG	01/11/07	LW25111			Cấm thi
6	2192897	NGUYỄN TRANG MỸ	CHÂU	24/11/01	NT19112			
7	22502616	NGUYỄN KIỀU	DƯƠNG	22/09/07	LW25111			
8	22500197	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	ĐAN	08/12/06	LW25111			
9	22500087	ĐẶNG TIẾN	ĐẠT	16/12/88	FT25111			
10	22502756	ĐỖ TIẾN	ĐẠT	11/11/07	LW25111			
11	22501037	TRẦN HOÀNG HẢI	ĐĂNG	17/03/07	LW25111			
12	22500472	HUỖNH PHẠM TRÁC	GIAO	31/01/07	LW25111			
13	22500019	NGUYỄN QUANG	KHÁNH	25/03/05	SE25111			
14	22502121	LÊ TRƯƠNG ĐĂNG	KHOA	23/12/07	LW25111			
15	2193837	TRƯƠNG QUỐC ANH	KHOA	10/03/01	MD19111			
16	22500333	NGUYỄN MINH	KIỆT	14/10/04	LG25111			
17	22503210	HÀ KHÁNH	LINH	20/06/07	MC25111			
18	22500826	PHẠM PHƯƠNG	LINH	17/09/07	MC25111			
19	22501095	LÊ NGỌC PHƯƠNG	MAI	05/05/07	MC25111			
20	22500273	NGUYỄN HÙNG	MẠNH	08/09/06	MC25111			
21	22503214	NGUYỄN TUẤN	MINH	27/06/07	LW25111			
22	22503145	NGUYỄN NGỌC THANH	MY	22/07/07	MC25111			
23	22502837	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	17/08/07	MC25111			
24	22503150	NGUYỄN NGỌC THÚY	NGA	18/04/07	MC25111			
25	22502025	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	16/10/07	LW25111			
26	22301975	HỒ LÊ XUÂN	NGỌC	20/08/04	NT23111			
27	22500990	NGUYỄN TRIỆU THÁI	NGUYỄN	15/05/07	LW25111			
28	22502758	NGUYỄN ĐỖ TUỆ	NHI	28/08/07	LW25111			Cấm thi
29	22502691	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	05/02/07	LW25111			
30	22000815	BẠCH TÂM	NHƯ	02/07/02	DM20111			
31	22500556	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	15/11/07	LW25111			Cấm thi
32	22503439	TRỊNH THỊ KHÁNH	PHƯƠNG	13/09/07	LW25111			
33	22007611	TRẦN BỘI	QUÂN	03/12/02	DT20111			
34	22500217	RƠ CHÂM Y	QUỐC	05/02/03	LW25111			Cấm thi
35	22503163	NGUYỄN XUÂN	QUỲNH	10/04/07	LW25111			
36	22500054	NGUYỄN NGỌC	THÀNH	18/09/05	TL25111			
37	22500256	NGUYỄN HOÀI THANH	THUẬN	08/12/04	LG25111			
38	22501239	NGUYỄN	TRÃI	01/05/99	LW25111			
39	22500257	NGUYỄN THÙY	VY	11/06/04	DL25111			
40	22500186	TRỊNH LÊ HỒNG	VY	17/07/06	PR25111			
41	22500802	TRẦN NGỌC KHÁNH	XUÂN	18/02/07	LW25111			Cấm thi

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22501960	TRƯƠNG NGỌC NHƯ	Ý	29/05/07	LW25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00

Lớp học phần: 1200 – Số hiệu lớp: 3713

Giảng viên: Trần Nguyễn Hoài Phương

Ngày thi: 27/12/2025

Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 005 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501977	DƯƠNG HOÀI	AN	04/05/07	MC25111			
2	22500947	NGUYỄN DUY	AN	11/02/07	MC25111			
3	22503154	NGUYỄN NGỌC HOÀI	AN	06/08/07	MC25111			
4	22500513	DƯƠNG NGUYỄN HOÀNG	ANH	28/03/07	MC25111			
5	22500203	NGUYỄN HOÀI	ANH	27/10/05	TC25111			
6	22501300	PHẠM QUỲNH	ANH	02/10/07	MC25111			
7	22503611	TRƯƠNG MINH	ÁNH	25/04/04	KT25111			
8	22500045	NGÔ CÔNG QUỐC	BẢO	01/06/01	TT25111			
9	22501704	NGUYỄN LÊ GIA	BẢO	31/03/07	MC25111			
10	22502615	PHẠM THỊ KIM	BÌNH	22/05/07	MC25111			
11	22502856	TRẦN HUỲNH NGỌC	CHÂU	02/05/07	MC25111			Cấm thi
12	22503056	LÊ NGUYỄN CÔNG	DANH	23/04/07	MC25111			
13	22503065	NGUYỄN NGỌC THUỖ	DƯƠNG	05/01/07	MC25111			
14	22503417	PHAN THỊ THUỖ	DƯƠNG	17/02/07	MC25111			
15	22501179	PHẠM HẢI	ĐĂNG	21/03/07	MC25111			
16	22500755	NGUYỄN XUÂN TRUNG	ĐỨC	28/02/03	NT25111			Cấm thi
17	22503308	NGUYỄN NGỌC	HẢI	19/01/07	MC25111			
18	22500866	ĐOÀN HÀ GIA	HÂN	19/11/07	MC25111			
19	22502521	NGUYỄN GIA	HÂN	08/08/07	MC25111			
20	22500269	VIÊN KHẢ	HÂN	20/10/05	DM25111			
21	22500437	LÊ PHƯỚC	HẬU	08/11/07	MC25111			
22	22501294	NGUYỄN HOÀNG	HIỆU	30/07/07	MC25111			
23	22500989	NGUYỄN MINH	HIỆU	01/01/07	MC25111			
24	22502453	NGUYỄN THU	HIỆN	09/06/07	MC25111			
25	22500779	LÊ VŨ MINH	HOÀNG	04/02/06	MC25111			
26	22501517	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	HỌC	18/02/07	MC25111			
27	22500890	LÂM VI QUỐC	HUY	13/12/07	MC25111			
28	22501165	TẮT GIA	HUY	08/06/07	MC25111			
29	22500887	TRẦN GIA	HUY	16/09/07	MC25111			
30	22503185	NGUYỄN TRẦN NGỌC	HƯƠNG	03/05/07	MC25111			
31	22501100	VŨ PHƯƠNG	KHÁNH	30/10/07	MC25111			
32	22500652	TRẦN MỸ	KIM	27/08/07	MC25111			
33	22503468	ĐINH NGUYỄN TƯỜNG	LAM	17/06/05	MC25111			
34	22500032	BÙI TRẦN UYÊN	NHI	15/07/05	TT25111			
35	22503818	ĐOÀN TRẦN MINH	TÂM	21/02/03	MC25111			
36	22501703	ĐẶNG NGỌC LAN	VY	23/07/07	MC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4800 – Số hiệu lớp: 3726
Giảng viên: Phan Chu Líp
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500937	HÀ QUỐC	AN	28/10/07	LG25111			
2	22501448	NGUYỄN HUY	AN	09/06/07	LG25111			Cấm thi
3	22500594	NGUYỄN NHẬT	ANH	09/04/07	LG25111			
4	22500681	HUỲNH VĂN	BẢO	20/01/07	LG25111			
5	22500787	NGUYỄN GIA	BẢO	25/10/07	LG25111			
6	22503338	NGUYỄN HOÀNG	BẢO	23/02/07	LG25111			
7	22501129	PHAN TRẦN GIA	BẢO	27/06/07	LG25111			
8	22501192	TRẦN GIA	BẢO	16/05/07	LG25111			
9	22502130	TRẦN GIA	BẢO	12/07/07	LG25111			
10	22500905	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	10/03/07	LG25111			
11	22500050	VÕ PHẠM MỸ	DUYÊN	16/02/05	DM25111			
12	22503443	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	18/09/07	LG25111			
13	22500870	NGUYỄN QUÝ	ĐĂNG	22/11/03	LG25111			Cấm thi
14	22501459	PHAN HUỲNH	ĐỨC	08/03/07	LG25111			Cấm thi
15	22503068	DƯƠNG NGUYỄN BẢO	HÂN	12/12/07	LG25111			
16	22503216	LƯU GIA	HÂN	08/11/07	LG25111			
17	22500913	NGUYỄN GIA	HÂN	15/06/07	LG25111			
18	22502149	LÊ TRƯƠNG ĐỨC	HOÀNG	14/11/07	LG25111			
19	22500638	NGUYỄN THANH	HOÀNG	09/08/07	LG25111			Cấm thi
20	22502648	HUỲNH HOÀNG GIA	HUY	20/11/07	LG25111			
21	22500518	NGUYỄN GIA	HUY	01/05/07	LG25111			
22	22500713	TRẦN NGUYỄN MINH	HUYỀN	18/02/07	LG25111			
23	22502302	CHÂU GIA KHÁNH	HƯNG	30/05/06	LG25111			
24	22502676	HUỲNH HOÀNG	HƯNG	08/08/07	LG25111			Cấm thi
25	22502152	NGUYỄN KHÁNH	HƯNG	22/06/07	LG25111			
26	22503821	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	23/09/06	LG25111			
27	22500528	CHAN TUNG	KEI	18/04/07	LG25111			
28	22500780	BẠCH NGỌC GIA	KHANG	03/11/07	LG25111			
29	22500587	NGUYỄN ĐĂNG ANH	KHOA	01/07/04	LG25111			Cấm thi
30	22500785	PHẠM ĐĂNG	KHOA	15/09/07	LG25111			
31	22503011	HUỲNH THÀNH PHÚ	LỘC	08/09/07	LG25111			
32	22503513	BÙI BẢO	MINH	16/10/01	LG25111			
33	22502482	TRẦN THỊ KHÁNH	QUỲNH	07/11/07	LG25111			
34	22503477	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	22/06/06	LG25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4900 – Số hiệu lớp: 3727
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Thiên Nam
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503592	TRỊNH HOÀNG	ANH	07/05/03	LG25111			
2	22503262	TRẦN VŨ THIÊN	ÂN	26/02/07	LG25111			
3	22502838	TRẦN NGUYỄN NHẬT	HUY	04/01/07	LG25111			
4	22503059	ĐOÀN Ý	NHI	21/06/07	LG25111			
5	22503094	HỒ NGỌC BẢO	NHI	31/01/07	LG25111			
6	22500665	NGUYỄN MINH DƯƠNG	NHỰT	01/07/07	LG25111			
7	22503063	NGUYỄN HUỲNH KIM	OANH	31/07/07	LG25111			
8	22503381	HÀ THUẬN	PHONG	26/01/07	LG25111			
9	22501077	KIM THIỆU	PHONG	31/08/07	LG25111			
10	22503055	PHẠM HOÀNG	PHÚC	24/08/07	LG25111			Cấm thi
11	22500871	CHU PHẠM ANH	QUÂN	30/09/07	LG25111			
12	22501043	NGUYỄN VIỆT MINH	QUÂN	27/06/07	LG25111			
13	22500465	DƯƠNG THỊNH	QUÝ	27/02/07	LG25111			
14	22503476	TRẦN PHÙNG TRUNG	SANG	26/12/07	LG25111			
15	22503139	VŨ THÀNH	SƠN	05/12/07	LG25111			
16	22503359	NGUYỄN HOÀNG	TÀI	20/12/07	LG25111			
17	22500926	NGUYỄN DUY	TÂN	23/02/07	LG25111			Cấm thi
18	22502750	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	31/07/07	LG25111			
19	22501070	TRẦN TUẤN	THANH	29/11/07	LG25111			
20	22501074	BÙI TẤN	THÀNH	23/07/07	LG25111			
21	22501004	LA NGUYỄN MINH	THẢO	26/03/07	LG25111			
22	22502430	LÊ NGUYỄN THANH	THẢO	08/04/07	LG25111			
23	22502237	NGUYỄN HUY	THẮNG	22/11/07	LG25111			
24	22502353	ĐOÀN NGỌC ĐĂNG	THỊNH	13/05/07	LG25111			Cấm thi
25	22503016	TÔ PHÚC	THỊNH	12/07/07	LG25111			
26	22501707	VÕ MINH	THÔNG	14/11/07	LG25111			
27	22500598	LÝ QUANG	THUẬN	07/11/07	LG25111			
28	22503025	NGUYỄN THỊ CẨM	TIỀN	05/10/07	LG25111			
29	22500754	NGUYỄN MINH	TRÍ	24/10/07	LG25111			
30	22503490	ĐẶNG THÀNH	TRUNG	16/08/07	LG25111			Cấm thi
31	22501038	TRẦN THANH	TRÚC	07/01/07	LG25111			
32	22503157	ĐẶNG TUẤN	TÚ	23/11/07	LG25111			
33	22503471	ĐOÀN HÙNG	VƯƠNG	01/07/07	LG25111			
34	22503633	TRẦN VŨ TUỜNG	VY	19/07/05	LG25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 5700 – Số hiệu lớp: 3728
Giảng viên: Bùi Ngọc Quế Anh
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500908	NGUYỄN HUỲNH NHẬT	ANH	13/04/06	DM25111			
2	22502082	ĐỖ VŨ NGỌC	ÁNH	16/02/07	DM25111			
3	22502329	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	13/10/07	DM25111			
4	22501557	DƯƠNG KIM	HÀ	20/12/07	DM25111			
5	22500970	HUỲNH	HÂN	27/07/07	DM25111			
6	22502592	HUỲNH BẢO	HÂN	21/09/07	DM25111			
7	22500538	ĐỖ DUY	HIỀN	25/02/07	DM25111			Cấm thi
8	22500072	NGUYỄN ĐÀO KHÁNH	HOÀNG	17/11/05	DM25111			
9	22500880	NGUYỄN HOÀNG	HUY	18/03/07	DM25111			
10	22502138	VŨ QUANG	HUY	27/11/07	DM25111			
11	22501014	LƯU GIA	HƯNG	28/11/07	DM25111			
12	22500385	TỔNG NHỰT	KHANG	27/07/03	DM25111			
13	22500995	NGUYỄN CHÂM	KHANH	01/11/07	DM25111			Cấm thi
14	22502076	BÙI LINH	NGỌC	07/12/07	DM25111			
15	22500860	LÊ PHƯƠNG THẢO	NGỌC	21/11/07	DM25111			
16	22500872	NGUYỄN PHẠM THÚY	NGỌC	30/04/06	DM25111			
17	22500963	NGÔ LÝ THẢO	NGUYỄN	17/02/07	DM25111			
18	22500068	TRẦN NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	25/04/05	TL25111			
19	22501221	NGUYỄN LÊ HOÀNG	NGUYỄN	14/02/05	DM25111			Cấm thi
20	22500095	ĐOÀN THÀNH	NHÂN	19/10/06	DM25111			
21	22501015	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	01/03/07	DM25111			
22	22500909	NGUYỄN HUỲNH PHÁT	THẠNH	18/09/06	DM25111			
23	22500658	PHẠM QUỐC	TIẾN	05/09/07	DM25111			
24	22501047	LÊ NGỌC KIM	TUYỀN	24/08/07	NT25111			
25	22503498	ĐẶNG LÂM THÚY	VY	02/09/07	NT25111			
26	22500644	LÂM THÀNH	VỸ	20/10/06	NT25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 6400 – Số hiệu lớp: 3732
Giảng viên: Dương Lan Linh
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501270	HOÀNG VĂN CÁT	AN	21/12/07	NT25111			
2	22502500	ĐOÀN GIA NGHI	ANH	14/04/07	NT25111			
3	22500578	TRẦN NGỌC	ÁNH	21/05/07	NT25111			
4	22501841	NGUYỄN NGỌC	CHÂU	19/04/07	NT25111			
5	22503255	TRƯƠNG NGUYỄN THUỖ	DUYÊN	20/07/07	NT25111			
6	22503128	ĐỖ TIẾN	DŨNG	09/07/07	NT25111			
7	22500555	PHẠM NHẬT	HÀO	13/07/07	NT25111			
8	22500731	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	03/06/07	NT25111			
9	22502009	LÊ BẢO	HÒA	09/09/07	NT25111			
10	22503406	VŨ ANH	KHOA	31/10/07	NT25111			
11	22500661	HUỲNH TẤN	LỘC	11/08/07	NT25111			
12	22500407	QUÁCH ĐẶNG HOÀNG	NGÂN	05/05/06	NT25111			
13	22503187	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	31/01/07	NT25111			
14	22500968	CAO MỸ	NHÂN	16/07/07	NT25111			
15	22501910	PHẠM HUỲNH YẾN	NHI	02/03/07	NT25111			
16	22503717	HOÀNG THÀNH	PHÁT	13/05/06	NT25111			
17	22501032	LÊ TIẾN	PHÁT	16/11/07	NT25111			
18	22503715	CHẾ XUÂN	PHONG	16/11/96	TN25111			Cấm thi
19	22502290	LÂM NGỌC	PHÚ	27/01/07	NT25111			
20	22503564	NGUYỄN TẤN	TÀI	27/09/07	NT25111			
21	22500633	ĐẶNG PHÚC	THỊNH	28/01/07	NT25111			
22	22502855	NGUYỄN LÂM BÍCH	THUY	09/08/07	NT25111			
23	22503453	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	15/01/07	NT25111			
24	22500972	TRẦN ANH	THƯ	21/06/06	NT25111			
25	22501035	BÙI THỊ CẨM	TIẾN	22/04/07	NT25111			
26	22503115	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	20/07/07	NT25111			
27	22500446	TRỊNH BẢO	TRÂN	22/11/07	NT25111			
28	22503162	VÕ MINH	TRUNG	20/09/07	NT25111			
29	22500984	NGÔ ĐỨC	TUẤN	04/08/07	NT25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 7400 – Số hiệu lớp: 3736
Giảng viên: Hoàng Tô Thư Dung
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501327	NGUYỄN NGỌC THU	AN	12/02/07	TT25111			
2	22503353	ĐỖ KHÁNH CHIÊU	ANH	02/01/07	DM25111			
3	22503301	ĐỖ THỊ TUYẾT	ANH	22/09/07	DM25111			
4	22502859	NGUYỄN VÂN	ANH	17/01/06	DM25111			Cấm thi
5	22502738	VŨ THÙY	DUNG	26/09/07	DM25111			
6	22503032	NGUYỄN MINH	HẢI	28/07/07	DM25111			
7	22503499	LÊ THỊ THU	HẰNG	24/12/02	TT25111			
8	22503362	TRẦN QUANG	HUY	21/08/07	DM25111			
9	22503590	DƯƠNG NHÃ	KHOA	08/11/06	DM25111			
10	22500342	HUYỀNH TRUNG	KHOA	28/05/03	LG25111			
11	22503031	VÕ HỒNG	LIÊN	31/07/07	TT25111			
12	22503023	NGUYỄN LÊ HỒNG	MINH	30/06/06	DM25111			
13	22503184	NGUYỄN HOÀNG HÀ	MY	16/10/07	DM25111			
14	22501829	NGUYỄN THÚY	NHI	28/10/07	TT25111			
15	22503084	TRẦN BẢO	NHI	29/10/07	DM25111			
16	22502670	NGUYỄN MẠNH ĐĂNG	QUÂN	15/06/07	DM25111			
17	22501886	NGUYỄN ĐIỀU XUÂN	QUỲNH	17/01/07	TT25111			
18	22503099	TRẦN NGỌC NHƯ	QUỲNH	20/01/07	TT25111			
19	22503092	LÊ HÀ PHƯƠNG	THANH	23/11/07	DM25111			
20	22503399	NGUYỄN MINH	THÀNH	11/06/07	DM25111			
21	22503036	NGUYỄN KHOA MINH	THƯ	07/05/06	DM25111			
22	22501807	NGUYỄN BẢO	TRẦN	05/03/07	DM25111			
23	22503571	ĐÀO MINH	TUẤN	16/07/07	DM25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 7700 – Số hiệu lớp: 3737
Giảng viên: Lê Nguyệt Tú Anh
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	2192884	TRẦN NGỌC LAN	ANH	29/06/01	TL1911			
2	22502279	LÊ HOÀNG	KHOA	27/12/07	KS25111			
3	22502768	VŨ ĐĂNG	KIÊN	24/01/07	KS25111			
4	22500487	PHAN NGÔ MINH	KỶ	31/05/07	KS25111			
5	22503158	NGUYỄN THÁI THUỖ	LINH	22/03/07	KS25111			
6	22500737	LÊ THỊ CẨM	LY	27/04/07	KS25111			
7	22500827	PHẠM HOÀNG	MAI	17/09/07	KS25111			
8	22501252	ĐỖ NHẬT	MINH	24/10/07	KS25111			
9	22503241	LÊ NGUYỄN HẢI	MINH	23/10/07	KS25111			
10	22503046	LÊ NHỰT	MINH	23/07/07	KS25111			
11	22502506	LÊ QUANG	MINH	13/10/07	KS25111			
12	22503466	PHẠM HOÀNG THẢO	MY	06/05/07	KS25111			
13	22503212	VŨ THỊ TRÀ	MY	02/11/07	KS25111			
14	22500526	TRẦN HẢO	NAM	19/12/07	KS25111			
15	22502485	PHẠM NGUYỄN TRÚC	NGÂN	28/09/07	KS25111			
16	22502019	ĐẶNG UYÊN	NHI	27/07/07	KS25111			
17	22501818	ĐÀO LÂM	NHƯ	30/05/07	KS25111			
18	22500657	NGÔ KIM	PHÚC	30/07/06	KS25111			
19	22500706	NGÔ NHÃ	PHƯƠNG	08/10/07	KS25111			
20	22500770	MAI BẠCH TRƯỜNG	THỊNH	20/09/07	KS25111			
21	22503363	HUỲNH NGỌC MINH	THƯ	01/04/07	KS25111			
22	22503048	NGUYỄN BÁ THỦY	TIẾN	18/11/07	KS25111			
23	22500412	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	03/12/07	KS25111			
24	22502961	ĐỖ MINH	TRIẾT	19/11/07	KS25111			
25	22503426	TRẦN THỊ BÍCH	TUYỀN	06/06/07	KS25111			
26	22500402	TRẦN ĐẶNG MINH	TÚ	09/02/07	KS25111			
27	22503391	HUỲNH NGỌC	VY	22/04/07	KS25111			
28	22501008	LÊ TRIỆU	VY	28/03/07	KS25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 7800 – Số hiệu lớp: 3718
Giảng viên: Nguyễn Thị Hồng Trang
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 003 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501711	NGUYỄN THÀNH	AN	11/05/07	EC25111			
2	22501161	NGUYỄN THÙY	AN	03/08/07	KS25111			
3	22500540	THÂN ĐỨC PHƯỚC	AN	30/08/07	KS25111			
4	22501791	PHẠM NGỌC VÂN	ANH	25/09/07	KS25111			
5	22503319	NGUYỄN HOÀI	ÂN	12/09/07	KS25111			
6	22500876	NGUYỄN ĐÌNH	ĂN	04/12/07	KS25111			
7	22502362	NGÔ THỊ KIM	CHI	29/05/07	KS25111			
8	22503230	NGÔ PHÚ	CƯỜNG	11/04/07	KS25111			
9	22503826	TRẦN HẢI	CƯỜNG	14/12/05	EC25111			
10	22502966	GIANG THẠCH	DÂN	06/11/07	KS25111			
11	22500543	MIYASHITA	ĐẠI	25/08/06	KS25111			Cấm thi
12	22503508	VŨ THÀNH	ĐẠT	26/09/98	EC25111			Cấm thi
13	22503311	CHU NHẬT	HÀO	19/01/07	EC25111			
14	22500753	TRẦN TÍN	HÀO	22/06/07	EC25111			
15	22500565	VÕ NGUYỄN VŨ	HÂN	11/11/07	KS25111			
16	22503584	DIÊU THỊ CAM	HẰNG	24/08/05	EC25111			Cấm thi
17	22500088	HUỲNH HOẰNG	HI	23/09/06	TV251			Cấm thi
18	22500863	NGUYỄN KIM	HOÀN	11/12/07	KS25111			
19	22500596	LÊ QUỐC	HUY	25/08/06	EC25111			Cấm thi
20	22501016	TRẦN BÁ NGUYỄN	HUY	22/10/07	EC25111			
21	22500789	TRẦN QUANG	HÙNG	13/04/07	KS25111			
22	22501531	NGUYỄN NHẢ	KỶ	12/03/07	EC25111			
23	22500039	LÊ NGỌC GIÁNG	MY	01/09/06	MK25111			
24	22503299	TRẦN THANH	NAM	10/06/07	EC25111			
25	22503228	NGUYỄN KIM	NGÂN	18/06/07	EC25111			
26	22500977	TẠ BẢO	NGHI	19/05/07	EC25111			
27	22501511	LÝ NGỌC	NHI	20/07/07	EC25111			
28	22503438	TRẦN HUỲNH ĐÔNG	NHI	27/10/07	EC25111			
29	22501362	HUỲNH TÚ	NHƯ	02/02/05	EC25111			
30	22500554	LÊ NGUYỄN KHA	NHƯ	19/02/06	EC25111			
31	22501585	NGUYỄN THỊ TÂM	NHƯ	17/09/07	EC25111			
32	22500059	ĐẶNG NGỌC THIÊN	PHÚ	05/08/05	TV251			
33	22503649	HỒ THANH	SƠN	17/06/05	EC25111			Cấm thi
34	22501725	HOÀNG HỒNG	THANH	10/11/07	EC25111			
35	22500100	TRẦN PHƯƠNG	TRANG	15/01/04	KS25111			
36	22500677	NGUYỄN ĐỨC QUANG	TÙNG	07/11/07	EC25111			
37	22401360	NGUYỄN NGỌC MỸ	TƯỜNG	05/12/06	MC24111			
38	22500531	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	25/09/07	EC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1600 – Số hiệu lớp: 3739
Giảng viên: Đoàn Quốc Vinh
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500849	NGUYỄN HOÀNG MINH	ANH	18/12/07	MC25111			
2	22501931	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	ANH	28/05/07	MC25111			
3	22500766	PHẠM NAM	ANH	10/04/07	LG25111			
4	22502533	Y THOA	APUÔT	30/11/07	MC25111			
5	22501761	NGUYỄN PHÚC THANH	BÌNH	29/04/07	MC25111			
6	22503108	NGUYỄN MINH	CHÂU	31/05/07	LG25111			
7	22500843	HỒ NGUYỄN KIM	CHI	05/01/07	MC25111			
8	22503492	LƯU NGUYỄN KIM	DUNG	07/05/07	MC25111			
9	22502783	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	05/06/07	MC25111			Cấm thi
10	22503026	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	14/08/07	MC25111			Cấm thi
11	22501284	PHẠM NGỌC	HÂN	06/02/07	LG25111			
12	22502907	LÂM HUỲNH	HOA	12/10/07	MC25111			
13	22501147	DƯƠNG QUỐC	HÙNG	30/10/07	LG25111			
14	22500854	TRẦN HỒNG	HƯNG	03/12/07	LG25111			
15	22502348	NGUYỄN TUẤN	KHANG	12/07/07	LG25111			
16	22400075	NGŨ HOÀNG MỸ	KYM	26/10/03	MK24111			
17	22503132	NGUYỄN CAO	KỶ	30/03/07	MC25111			Cấm thi
18	22503121	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	LINH	19/05/07	MC25111			
19	22503321	NGUYỄN MAI HOÀNG	LỘC	02/10/07	MC25111			
20	22122996	PHÙNG TẤN	LỘC	22/10/03	DK21111			
21	22500891	ĐẶNG NGỌC KHÁNH	MAI	09/12/07	MC25111			
22	22503112	TRẦN NGỌC TRÀ	MY	03/07/07	MC25111			
23	22503053	VŨ NGỌC BẢO	NGÂN	29/06/07	MC25111			
24	22500705	LÊ BẢO	NGỌC	15/06/07	MC25111			
25	22500509	LƯƠNG MỸ	NGỌC	23/11/07	MC25111			
26	22503219	TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN	NGỌC	12/12/07	MC25111			
27	22500931	VƯƠNG UYỄN	NHẢ	24/10/07	MC25111			
28	22503087	NGÔ NGỌC MINH	NHƯ	18/05/07	MC25111			
29	22500599	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯ	06/11/07	MC25111			
30	22503425	TRẦN KHẢ	NHƯ	20/12/07	MC25111			
31	22500930	VƯƠNG UYỄN	NHƯ	24/10/07	MC25111			
32	22503151	ĐƯỜNG BẢO HOÀNG	PHƯƠNG	11/07/07	MC25111			
33	22500974	NGUYỄN PHÚ	QUÝ	25/10/07	MC25111			
34	22502098	AMI	ROH	12/11/06	MC25111			
35	22500046	LIÊNG ĐỨC	THỊNH	15/09/03	DM25111			
36	22502087	LÊ HUỲNH MINH	THƯ	11/03/07	MC25111			
37	22501617	HỒ GIA	THY	12/12/07	MC25111			
38	22503243	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	22/10/07	MC25111			
39	22501596	ĐÀO THỊ MỸ	TRINH	05/12/07	MC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1700 – Số hiệu lớp: 3740
Giảng viên: Tăng Lâm Thảo Uyên
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503449	ĐOÀN THỊ THÚY	AN	19/03/06	KS25111			
2	22500443	LÊ THỊ TÚ	ANH	28/08/07	LW25111			
3	22502360	PHẠM NGỌC VÂN	ANH	23/07/07	LW25111			
4	22503253	TRƯƠNG THỊ HỒNG	ÂN	30/07/07	LW25111			
5	22500552	TRƯƠNG QUẾ	CHI	19/12/07	KS25111			
6	22502132	CAO THÀNH	ĐẠT	06/12/07	KS25111			
7	22502650	LÂM ANH	ĐỨC	08/04/07	EC25111			
8	22501538	LÂM KHÁNH	HÂN	28/10/07	KS25111			
9	22501730	NGUYỄN HOÀNG GIA	HÂN	27/07/07	EC25111			
10	22500427	NGUYỄN LÊ XUÂN	HIẾU	13/12/07	NT25111			
11	22503302	TRẦN PHẠM DIỆU	HIỀN	05/10/07	KS25111			
12	22501141	PHẠM NHẬT MINH	HOÀNG	23/12/07	KS25111			
13	22503432	VÕ NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	15/01/07	KS25111			Cấm thi
14	22501733	HỒ NHƯ PHƯƠNG	KHANH	10/11/07	LG25111			
15	22500922	NGUYỄN HOÀNG BẢO	KHANH	22/01/07	KS25111			
16	22501400	PHẠM HIỀN	KHANH	05/10/07	LW25111			
17	22502126	TIÊU NGUYỄN	KIM	23/08/07	LW25111			
18	22501782	TRẦN HOÀNG	KIM	29/09/07	KS25111			
19	22500762	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAN	26/10/07	LW25111			
20	22502635	NGUYỄN BÁ	LÂM	14/08/07	KS25111			
21	22502415	TRƯƠNG PHAN THỊ BÍCH	LIỄU	24/05/07	LG25111			
22	22503373	NGUYỄN ÁNH	LINH	09/04/07	LW25111			
23	22500939	PHẠM NGỌC THÙY	LINH	30/07/07	KS25111			
24	22501244	ĐẶNG KINH	LUÂN	06/09/07	KS25111			
25	22500441	LƯU THỊ KIỀU	MI	16/02/07	LG25111			
26	22502516	NGUYỄN NGỌC	MINH	03/11/07	LW25111			
27	22500624	TRẦN ĐOÀN HÀO	NAM	05/12/07	LG25111			
28	22503182	LƯƠNG KHÁNH	NGỌC	01/11/07	LW25111			
29	22500842	NGUYỄN HOÀNG	PHI	07/08/07	LG25111			
30	22503460	NGÔ MỸ	PHỐI	21/09/07	KS25111			
31	22502554	HOÀNG GIA	PHÚ	18/11/07	KS25111			
32	22500868	HUỲNH MINH	TÂM	31/03/07	KS25111			
33	22503097	PHẠM PHÚC	THẢO	17/04/07	LW25111			
34	22503507	QUÁCH NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	20/07/07	KS25111			
35	22502080	PHÙNG THỊ THU	THỦY	18/03/07	KS25111			
36	22503354	NGUYỄN BÍCH	TRÂM	13/03/07	LW25111			
37	22502847	HÀ NGUYỄN ANH	TUẤN	02/02/07	KS25111			
38	22501480	HUỲNH THÁI	TUẤN	04/06/07	LW25111			
39	22503244	DƯƠNG BIÊN HẠ	VY	28/03/07	KS25111			
40	22503366	DƯƠNG LÊ KHÁNH	VY	03/11/07	LW25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2600 – Số hiệu lớp: 3744
Giảng viên: Ngô Anh Chi
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503580	NGUYỄN XUÂN	AN	29/01/07	LG25111			Cấm thi
2	22500410	HUỖNH TRẦN KIM	ANH	07/10/07	DM25111			
3	22502981	LÊ NGUYỄN THUỖ	DƯƠNG	07/05/07	DM25111			
4	22501780	BÙI HƯƠNG	GIANG	19/10/07	DM25111			
5	22501764	NGUYỄN MAI NHƯ	HẠ	07/12/07	DM25111			
6	22501705	NGUYỄN QUỐC	HUY	06/02/07	DM25111			
7	22503062	TRẦN NGUYỄN	KHANG	24/10/07	DM25111			
8	22501934	NGÔ MỸ	KHANH	18/06/07	DM25111			
9	22502793	VŨ LINH	KIỆT	27/05/07	DM25111			
10	22503127	DƯƠNG TÚ	LÊ	21/08/07	EC25111			
11	22502594	TRỊNH HỒNG THẢO	NGUYỄN	02/05/07	DM25111			
12	22502167	DƯƠNG GIA	PHÚC	22/09/07	LG25111			
13	22502664	NGUYỄN HÙNG HOÀNG	PHÚC	12/02/07	DM25111			
14	22502923	PHẠM HOÀNG	PHÚC	16/10/07	LG25111			
15	22501006	PHẠM THÁI HOÀNG	PHÚC	10/10/07	EC25111			
16	22503428	ĐẶNG HỒNG	PHƯƠNG	21/11/07	DM25111			
17	22503415	PHAN LÊ KỲ	PHƯƠNG	17/02/07	DM25111			
18	22503125	TRẦN MINH	QUANG	29/12/07	DM25111			
19	22500980	NGUYỄN MINH	QUÂN	03/10/07	DM25111			
20	22502370	LÊ NGỌC NHƯ	QUỲNH	04/12/07	LG25111			
21	22503232	NGUYỄN NHẬT	THÀNH	07/04/07	DM25111			
22	22500439	ĐẶNG THỊ THANH	THẢO	09/11/07	LG25111			
23	22500574	VÕ THỊ NGỌC	THẢO	24/11/07	LG25111			
24	22501065	TRẦN HOÀNG	THỊNH	28/10/07	LG25111			
25	22502024	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	19/07/07	DM25111			
26	22500715	CAO HỒ ANH	THƯ	05/11/07	DM25111			
27	22502316	QUẢNG THỊ YẾN	TRANG	04/08/07	DM25111			
28	22502034	DƯƠNG NGỌC	TRINH	01/03/07	DM25111			
29	22502355	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	19/02/07	DM25111			
30	22503203	ĐỖ PHƯƠNG	VI	03/04/07	DM25111			
31	22500727	ÔNG HÁN	VINH	12/04/07	DM25111			
32	22501521	CAO THÚY	VY	27/07/07	DM25111			
33	22503076	LÊ NGUYỄN XUÂN NHƯ	Ý	13/02/07	DM25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00

Lớp học phần: 5800 – Số hiệu lớp: 3748

Giảng viên: Trương Trúc Quỳnh

Ngày thi: 27/12/2025

Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503281	TRẦN GIA	BỘI	03/01/07	NT25111			
2	22500928	NGUYỄN BÁ	DƯƠNG	28/08/07	NT25111			
3	22503064	PHẠM HOÀNG MỸ	HẠNH	14/06/07	TT25111			
4	22501184	NGUYỄN NGỌC	HÂN	03/10/07	NT25111			
5	22502709	NGUYỄN THỊ	HIỀN	04/11/07	NT25111			
6	22503337	PHAN QUỐC	HƯNG	20/01/07	NT25111			
7	22500722	PHẠM HỒNG	KHÁNH	08/12/07	NT25111			
8	22503369	LÊ CHÍ	KIÊN	27/11/07	TT25111			
9	22503540	TẠ PHƯỚC	LÂM	24/08/07	NT25111			
10	22500992	NGUYỄN THỊ PHI	NHÀN	01/09/07	NT25111			
11	22503534	TÔ THƯ	NHÃ	30/03/07	NT25111			
12	22106927	NGUYỄN TRUNG	NHÂN	04/10/03	BL21111			
13	22501735	LÊ THỊ YẾN	NHI	28/07/06	NT25111			
14	22503320	QUÁCH BẢO	NHI	21/12/07	NT25111			
15	22501785	TRẦN NGỌC YẾN	NHI	13/05/07	NT25111			
16	22501948	NGUYỄN THANH	PHÚC	29/08/07	TT25111			
17	22501786	TRẦN NGUYỄN	THẢO	23/12/07	EC25111			
18	22503351	NGUYỄN LÊ HOÀI	THƯƠNG	17/05/07	NT25111			
19	22502960	NGUYỄN VÕ HOÀI	THƯƠNG	17/11/07	EC25111			
20	22501842	NGUYỄN NỮ THẢO	TRANG	26/02/07	LG25111			
21	22502013	CHÂU NGỌC	TRÀ	10/04/07	NT25111			
22	22502004	NGUYỄN TRẦN THANH	TRÀ	04/07/07	LG25111			
23	22503200	PHAN PHÚ	TRỌNG	24/11/07	LG25111			
24	2181574	PHAN MINH	TUẤN	10/01/00	NL1811			
25	22500795	TRẦN NGỌC CÁT	TƯỜNG	16/04/07	NT25111			
26	22500983	ĐẶNG THÚY	UYÊN	13/12/07	NT25111			
27	22503155	NGUYỄN HOÀNG	UYÊN	26/10/06	LG25111			
28	22503009	CAO Ý	VY	10/11/07	NT25111			Cấm thi
29	22502850	DƯƠNG TƯỜNG	VY	25/10/07	LG25111			
30	22503159	LÊ KHÁNH	VY	04/05/07	LG25111			
31	22501206	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	11/09/07	NT25111			
32	22502701	NGUYỄN THỊ HÀ	VY	23/08/07	NT25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1000 – Số hiệu lớp: 3711
Giảng viên: Vương Ngọc Tiên
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503815	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	01/12/05	KT25111			
2	22112367	ĐỖ HOÀI	BẢO	25/01/92	KT21121			
3	22503845	TRƯƠNG GIA	BẢO	31/10/04	BL25111			
4	22500466	NGUYỄN LƯƠNG HỒNG	CHÂU	08/06/03	FT25111			
5	22501041	HỒ CHÍ	DŨNG	29/08/06	FT25111			Cấm thi
6	22500994	LƯƠNG TÙNG	DƯƠNG	10/06/07	KT25111			
7	22500676	TỔNG THỊ THU	HIỀN	06/09/06	KT25111			
8	22503570	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	06/03/05	FT25111			
9	22501224	NGÔ ANH	KHOA	10/07/06	FT25111			
10	22502964	ĐỖ MINH	KHÔI	09/08/07	FT25111			
11	22500346	NGUYỄN THANH PHÚC	LỘC	25/10/06	DM25111			
12	22503109	MÃ THÀNH	LUÂN	05/01/07	FT25111			
13	22500736	ĐOÀN THỊ NHƯ	NGỌC	20/05/07	FT25111			
14	22503224	HÀ BẢO	NGỌC	20/09/07	KT25111			
15	22500810	TRẦN HỒNG BẢO	NGỌC	08/07/07	FT25111			
16	22501358	PHAN LÊ MINH	NHẬT	16/03/07	FT25111			
17	22500002	CAO LÊ UYÊN	NHI	15/08/05	DM25111			
18	22501355	HUỲNH NGỌC	NHƯ	21/03/07	FT25111			Cấm thi
19	22500430	VÕ CHẾ CẨM	TIẾN	08/12/07	FT25111			
20	22500959	NGUYỄN PHÚC	TIẾN	19/02/06	FT25111			Cấm thi
21	22501209	ĐỖ HUỲNH MAI	TRANG	11/02/07	FT25111			
22	22503188	LÊ HOÀNG	TRIẾT	05/03/07	FT25111			
23	22503190	NGUYỄN HẢI	TRIỀU	21/09/01	FT25111			
24	22502183	NGUYỄN PHAN ANH	TUẤN	27/01/07	FT25111			
25	22500241	PHAN NGỌC	TUYẾT	20/12/05	TV251			
26	22500637	NGUYỄN NHƯ	Ý	19/02/07	KT25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1400 – Số hiệu lớp: 3714
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Thiên Nam
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503835	LÊ PHƯƠNG	ANH	27/11/04	NT25111			
2	22503579	NGUYỄN QUỐC	ANH	13/09/06	MC25111			
3	22500839	NGUYỄN THANH	DIỄM	07/05/05	SE25111			
4	22500419	HÀ HỒNG	DŨNG	11/01/07	SE25111			
5	22502507	NGUYỄN CHÍ	ĐAN	10/07/07	SE25111			
6	22502535	QUÁCH TÚ	HẢI	02/09/07	SE25111			Cấm thi
7	22503418	PHAN THÀNH	HOÀNG	18/11/06	SE25111			
8	22503147	HUYỀN GIA	KHIÊM	29/03/07	SE25111			
9	22501265	NGUYỄN KHÁNH ĐĂNG	KHOA	03/09/07	SE25111			
10	22500822	VÕ QUỐC	LÂM	05/09/07	SE25111			Cấm thi
11	22500917	PHẠM MINH	LỘC	27/11/07	SE25111			
12	22500423	NGUYỄN CẢNH	MINH	12/12/07	SE25111			
13	22500704	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	MINH	12/01/07	SE25111			Cấm thi
14	22500778	TRẦN NGỌC KHÔI	NGUYỄN	28/03/00	SE25111			
15	22502984	HUYỀN NGỌC BẢO	NHƯ	11/06/07	SE25111			
16	22206260	NGUYỄN TRẦN THIÊN	PHÚC	03/02/04	PR22111			
17	22500572	BÙI TIẾN	QUỐC	02/08/07	SE25111			
18	22500009	HỒ NGUYỄN THANH	THẢO	01/11/99	PR25111			
19	22500326	PHAN THÀNH	THẮNG	25/06/04	SE25111			
20	22503559	HOÀNG NHẬT	TRIỀU	12/08/03	SE25111			Cấm thi
21	22501365	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	14/11/07	SE25111			Cấm thi
22	22503172	KHA QUANG	VINH	22/08/07	MC25111			
23	22503086	NGUYỄN TẤN	VINH	26/09/07	MC25111			
24	22503451	HOÀNG LÊ	VY	01/02/07	MC25111			
25	22501902	HỒ NGỌC TƯỜNG	VY	10/04/07	MC25111			
26	22501085	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	14/09/07	MC25111			
27	22502026	NGUYỄN NHỰT THANH	VY	08/03/07	MC25111			
28	22502099	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	VY	22/09/06	MC25111			
29	22500790	TRẦN NGỌC TƯỜNG	VY	14/09/07	MC25111			
30	22500218	PHẠM THỊ TRÚC	XANH	05/08/06	MC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1800 – Số hiệu lớp: 3715
Giảng viên: Ngô Anh Chi
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500641	THÁI PHẠM THIÊN	AN	30/03/07	NH25111			
2	22500481	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	27/04/07	NL25111			
3	22502022	NGUYỄN TRỊNH THẢO	ANH	07/07/07	NH25111			
4	22502344	PHAN NGUYỄN QUỐC	ANH	25/02/07	NL25111			
5	22501943	TRẦN HÀ QUỲNH	ANH	19/06/07	NL25111			
6	22503475	CHEW VIỆT	ÂN	12/02/07	NL25111			
7	22503322	LÀU PHỐI	ÂN	08/10/04	NH25111			
8	22500733	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	11/06/07	NH25111			
9	22500828	NGUYỄN LÊ	DUY	10/04/07	NH25111			
10	22500921	TRẦN MẠNH	DŨNG	22/12/06	NH25111			
11	22503523	CỒ NHƯ	GIANG	28/10/06	NH25111			
12	22503222	TRƯƠNG GIA	HÂN	01/05/07	NH25111			
13	22501514	HỨA HUỲNH NHẬT	HUY	06/08/07	NH25111			
14	22500261	LIM CẨM	HUY	24/11/04	NH25111			Cấm thi
15	22503657	TRƯƠNG GIA	HUY	31/05/05	NH25111			
16	22500512	ĐẶNG NGỌC DIỄM	KHANH	24/07/05	NL25111			
17	22500897	NGUYỄN THỊ AN	KHANH	11/12/07	NH25111			
18	22500882	TRƯƠNG HOÀNG ĐĂNG	KHOA	27/03/07	NH25111			
19	22500666	HOÀNG NGUYỄN NGỌC	LONG	30/10/07	NH25111			
20	22500589	NGUYỄN THANH	MÃN	21/03/07	NH25111			
21	22402940	BÙI ANH	MINH	28/03/00	BL24111			
22	22500966	NGUYỄN NGỌC NHƯ	NGÂN	28/11/06	NL25111			
23	22503493	PHẠM ĐẶNG HỒNG	NGÂN	18/08/03	NH25111			
24	22500952	NGUYỄN GIA	NGHI	10/03/07	NH25111			
25	22500626	VÕ NGỌC TUỆ	NGHI	01/08/07	NL25111			
26	22503328	NGUYỄN HOÀNG THANH	NHẬT	05/01/07	NH25111			
27	22503464	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	PHÁT	27/08/07	NH25111			
28	22501069	LÝ NGUYỄN GIA	PHÚC	18/01/07	NH25111			
29	22502475	LÊ CÔNG	PHỤNG	23/04/07	NH25111			
30	22503021	ĐOÀN VĂN DUY	QUANG	08/02/07	NL25111			
31	22503164	LÊ TRẦN THANH	TÂM	21/05/07	NL25111			
32	22502119	NGUYỄN GIA	THÀNH	07/12/07	NH25111			
33	22501258	TRẦN ĐÀO BẢO	THI	28/12/07	NL25111			
34	22503341	LẠI MINH	TIẾN	15/12/07	NL25111			
35	22500945	NGUYỄN NGỌC TỔ	TỔ	20/11/07	NL25111			
36	22503435	NGÔ HUỲNH	TRÂN	17/04/07	NH25111			
37	22501814	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	26/11/07	NL25111			
38	22500680	TRẦN LÊ ANH	TÚ	04/05/07	NH25111			
39	22503325	HUỲNH NHƯ	Ý	14/11/07	NH25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2200 – Số hiệu lớp: 3716
Giảng viên: Võ Hoàng Khiêm
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501396	NGUYỄN TRẦN BẢO	ANH	22/08/07	BL25111			
2	22500258	HỒ THỊ HỒNG	ÂN	24/04/01	NT25111			
3	22502899	LÊ BÙI	BAN	22/07/07	BL25111			Cấm thi
4	22503078	TRƯƠNG MINH GIA	BẢO	09/12/07	BL25111			
5	22503427	YI ZI	CONG	03/01/06	BL25111			
6	22500971	TRỊNH VĨ	CƯỜNG	26/01/07	BL25111			
7	22503133	TRẦN GIA	DANH	08/06/07	BL25111			
8	22501106	TRẦN NGUYỄN PHÚ	ĐỨC	20/12/07	BL25111			
9	22501942	ĐÀO GIA	HÂN	27/07/07	BL25111			
10	22503631	TRƯƠNG HUỲNH HẢI	HUY	15/10/07	BL25111			
11	22501760	PHẠM LÊ	KHANH	03/04/07	BL25111			
12	22500527	ĐOÀN NGUYỄN MINH	KHÔI	06/02/07	BL25111			
13	22502219	VŨ THÀNH	LIÊM	05/08/07	BL25111			Cấm thi
14	22503327	NGUYỄN KHÁNH	LINH	27/06/07	BL25111			
15	22503252	NGUYỄN THUÝ	NGA	24/09/07	BL25111			
16	22500380	CHU BẢO	NGÂN	13/09/04	BL25111			
17	22503280	LÊ NGUYỄN THU	NGÂN	22/05/07	BL25111			
18	22503661	NGÔ KHÁNH	NGỌC	03/12/07	BL25111			
19	22500878	QUANG NGỌC Ý	NHƯ	23/12/07	BL25111			
20	22503169	NGUYỄN PHẠM GIA	PHONG	05/08/07	BL25111			
21	22502351	ĐỖ TRẦN MINH	PHÚC	09/04/07	BL25111			
22	22503231	VÕ TUẤN	QUANG	03/12/07	BL25111			
23	22001146	LÂM HỮU	TÀI	19/02/02	DL20121			
24	22502582	HỒ KHẮC	TÂM	26/04/07	BL25111			
25	22500561	HUỲNH THỊ MỸ	TIỀN	24/05/07	BL25111			
26	22501323	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	06/03/07	BL25111			Cấm thi
27	22501113	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	01/04/07	BL25111			
28	22500205	BÙI PHƯƠNG	UYÊN	22/09/05	NL25111			
29	22503516	LÊ NGUYỄN TƯỜNG	VY	02/09/07	BL25111			
30	22503380	TRẦN THỊ MỸ	VY	14/05/07	BL25111			
31	22500698	HUỲNH NHƯ	Ý	11/11/07	BL25111			
32	22503318	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	24/01/07	BL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3700 – Số hiệu lớp: 3722
Giảng viên: Nguyễn Phan Thu Thảo
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501020	VŨ QUANG THỤY	LINH	18/06/06	MC25111			
2	22503079	BÙI ANH	MINH	25/08/07	TL25111			
3	22503714	PHẠM NGUYỄN THÀNH	NAM	23/07/02	TL25111			
4	22502421	PHẠM PHƯƠNG	NGHI	14/09/07	TL25111			
5	22501199	TRƯƠNG HOÀN TRÚC	NGUYỄN	03/05/07	TL25111			
6	22500372	TRẦN KHÁNH	NHẬT	09/02/06	NT25111			
7	22503411	PHAN THỊ MAI	PHƯƠNG	04/07/07	TL25111			
8	22503627	NGUYỄN PHẠM ĐĂNG	THANH	02/08/02	TL25111			Cấm thi
9	22501393	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	19/11/06	TL25111			
10	22503259	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	27/02/07	TL25111			
11	22501392	TRẦN MAI BẢO	THI	25/09/07	TL25111			
12	22503088	NGUYỄN DANH MINH	THIỆN	24/05/06	TL25111			Cấm thi
13	22502140	DƯƠNG ĐỨC	THỊNH	07/10/07	TL25111			
14	22500448	NGUYỄN HOÀNG MINH	THỨ	06/05/07	TL25111			
15	22501229	NGUYỄN NGỌC MINH	THỨ	21/10/07	TL25111			
16	22501356	NGUYỄN LÊ ANH	THY	16/12/07	TL25111			
17	22500200	LƯU KIM	TRANG	11/10/97	TL25111			
18	22500901	NGÔ HUYỀN	TRÂN	02/09/07	TL25111			
19	22500523	PHẠM NGỌC	TRÂM	19/12/07	TL25111			
20	22500201	ĐINH THÀNH	TRUNG	23/12/05	NT25111			
21	22501633	NGÔ PHAN KHÁNH	TRUNG	03/08/07	TL25111			
22	22500960	NGUYỄN KIM CÁT	TƯỜNG	23/11/07	TL25111			
23	22500695	NGUYỄN TRƯƠNG QUỐC	VƯƠNG	20/09/07	TL25111			
24	22501067	PHẠM TRẦN PHƯƠNG	YẾN	17/07/06	TL25111			
25	22503402	PHÙNG KHẢ	Ý	30/07/07	TL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 5900 – Số hiệu lớp: 3729
Giảng viên: Hoàng Tô Thư Dung
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501241	PHAN THỊ NGỌC	NGÂN	30/01/07	MC25111			
2	22501303	PHẠM HUỲNH TUYẾT	NGÂN	17/11/07	MC25111			
3	22503424	PHAN YẾN	NGỌC	08/04/07	MC25111			
4	22502496	NGUYỄN LÊ THẢO	NGUYỄN	26/05/07	MC25111			
5	22500479	NGUYỄN PHÚC	NGUYỄN	25/05/07	MC25111			
6	22501086	VÕ MINH	NGUYỄN	18/10/05	MC25111			Cấm thi
7	22500760	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NHI	24/03/04	MC25111			
8	22502123	NGUYỄN HOÀNG GIA	PHÁT	21/11/07	MC25111			
9	22500568	PHẠM TUẤN	PHONG	30/04/07	MC25111			
10	22501054	PHAN THỊ NHẢ	PHƯƠNG	31/05/06	MC25111			
11	22501011	ĐỖ THỊ KIM	PHƯƠNG	14/06/07	MC25111			
12	22500435	BÙI THỊ THẢO	QUYÊN	11/11/07	MC25111			
13	22500951	NGUYỄN THỊ KIM	QUYÊN	10/03/07	MC25111			
14	22502752	VŨ THỊ NHƯ	QUỲNH	23/04/07	MC25111			
15	22503390	NGUYỄN TIẾN	TÀI	30/09/07	MC25111			
16	22501104	PHẠM TẤN	TÀI	12/09/07	MC25111			
17	22502391	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	THẢO	18/08/06	MC25111			
18	22501346	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	11/01/07	MC25111			
19	22500943	NGUYỄN MINH CẨM	THY	07/12/07	MC25111			
20	22501397	NGUYỄN VŨ HỒNG	TIẾN	31/10/07	MC25111			
21	22503407	NGUYỄN THÙY THANH	TRANG	25/01/07	MC25111			
22	22500862	NGÔ TRẦN BẢO	TRÂM	08/10/07	MC25111			
23	22503136	CHU BẢO	TRÂN	01/10/07	MC25111			
24	22503142	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	TRÂN	19/01/07	MC25111			Cấm thi
25	22501091	NGUYỄN QUỐC	TRIỀU	30/06/07	MC25111			
26	22503372	NGUYỄN THANH	TRÚC	24/11/06	MC25111			Cấm thi
27	22502504	NGUYỄN PHÚC BẢO	TUẤN	25/12/07	MC25111			
28	22503149	TRỊNH HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	20/09/07	MC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 6000 – Số hiệu lớp: 3730
Giảng viên: Lê Nguyệt Tú Anh
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503204	LÊ VŨ HOÀI	AN	27/10/05	MK25111			
2	22500859	NGUYỄN HÀ XUÂN	AN	19/02/07	MK25111			
3	22503503	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	ANH	23/11/07	MK25111			
4	22503250	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	27/02/07	MK25111			
5	22500406	ĐẶNG PHÚC HỒNG	ÂN	09/02/07	MK25111			
6	22500693	NGUYỄN LÊ VĨNH	ÂN	27/01/07	MK25111			
7	22502337	NGUYỄN HOÀNG BẢO	CHÂU	10/01/07	MK25111			
8	22500619	ĐINH MẠNH	CƯỜNG	30/12/07	MK25111			
9	22501084	NGUYỄN KHƯƠNG	DU	14/10/07	MK25111			
10	22500932	TRỊNH THỊ MỸ	DUNG	15/07/07	MK25111			
11	22501427	NGÔ NGUYỄN NHẬT	DUY	01/01/07	MK25111			
12	22502513	NGUYỄN HỮU ĐĂNG	DƯƠNG	08/08/07	MK25111			
13	22502169	PHẠM PHƯỚC	ĐẠT	14/08/07	MK25111			
14	22501835	NGUYỄN NGỌC	HÀ	21/12/07	MK25111			
15	22501017	MAI KIM	HẢO	10/07/07	MK25111			
16	22500493	VƯƠNG THỊ	HẢO	21/08/06	MK25111			
17	22501373	TÔ NHẬT	HÂN	02/05/07	MK25111			Cấm thi
18	22503489	ĐẶNG MINH	HIỆU	19/02/06	MK25111			
19	22503295	ĐỖ ĐỨC	HUY	17/05/07	MK25111			
20	22502289	NGUYỄN HUỲNH NHẬT	HUY	26/06/07	MK25111			
21	22500591	TRẦN ĐÌNH GIA	HƯNG	01/05/07	MK25111			
22	22500919	LÊ TRẦN BẢO	KHANG	11/10/07	MK25111			
23	22502210	TRANG SĨ VŨ	KHANG	01/05/07	MK25111			
24	22501399	Y NHUN	KNUL	09/10/07	MK25111			
25	22502064	LÊ NGỌC KHÁNH	LINH	16/11/07	MK25111			
26	22501843	NGÔ THÁI HOÀNG	LINH	14/05/07	MK25111			
27	22501915	TRẦN THỊ XUÂN	MAI	09/01/07	MK25111			
28	22503206	BÙI TRẦN PHƯƠNG	MINH	15/12/07	MK25111			
29	22503621	PHẠM ĐÌNH GIA	MY	12/11/07	MK25111			
30	22503223	ĐẶNG THỊ KIM	NGÂN	01/11/07	MK25111			
31	22501961	GIANG THỊ XUÂN	NGÂN	15/09/07	MK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 6100 – Số hiệu lớp: 3731
Giảng viên: Trần Nguyễn Hoài Phương
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501200	TẠ HỒ BẢO	NGỌC	27/11/07	MK25111			
2	22501312	NGUYỄN THANH	NHI	21/02/07	MK25111			Cấm thi
3	22500566	TRẦN THỊ NGỌC	NHƯ	23/05/07	MK25111			Cấm thi
4	22501357	HUỲNH NGỌC	PHƯƠNG	30/04/07	MK25111			
5	22500449	NGUYỄN NGỌC NGÂN	QUỲNH	15/10/07	MK25111			
6	22501727	PHAN NGỌC ĐIỂM	QUỲNH	04/07/07	MK25111			
7	22502651	NGUYỄN THANH	SANG	14/11/07	MK25111			
8	22503248	BÙI THANH THY	TÂM	16/12/07	MK25111			
9	22500690	NGÔ HIỀN	THẢO	23/08/07	MK25111			
10	22502248	TRƯƠNG MINH	THẮNG	26/02/07	MK25111			
11	22500944	ĐOÀN ĐIỀU	THIỆN	17/03/07	MK25111			
12	22501543	NGUYỄN ANH	THỨ	06/06/07	MK25111			
13	22500885	NGUYỄN MINH	THỨ	28/07/07	MK25111			
14	22501338	NGUYỄN MINH	THỨ	16/10/07	MK25111			
15	22503122	PHAN ANH	THỨ	06/10/07	MK25111			
16	22500601	TRẦN VÕ ANH	THỨ	06/08/07	MK25111			
17	22501093	TẠ MINH	TOÀN	07/06/04	MK25111			
18	22502358	ĐINH NGỌC NGUYỆT	TRÂM	25/09/07	MK25111			
19	22501666	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC	TRÂM	19/12/07	MK25111			
20	22500432	ĐÀO THỊ HUYỀN	TRÂN	30/04/07	MK25111			
21	22503034	TRẦN BẢO	TRÂN	23/06/07	MK25111			Cấm thi
22	22500683	ĐỖ PHƯƠNG	TRINH	01/01/07	MK25111			
23	22500231	TRƯƠNG THỊ CẨM	TRUYỀN	22/02/04	MK25111			
24	22500606	NGUYỄN HUỲNH CẨM	TÚ	20/03/07	MK25111			
25	22501890	NGUYỄN MỘNG TƯỜNG	VÂN	14/12/07	MK25111			
26	22502607	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	10/11/07	MK25111			
27	22502419	TRẦN HOÀNG	YẾN	11/05/07	MK25111			
28	22500873	TRẦN NGUYỆT	YẾN	08/08/05	MK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 7900 – Số hiệu lớp: 3721
Giảng viên: Bùi Ngọc Quế Anh
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22502778	NGUYỄN KHÁNH	AN	27/07/07	TL25111			
2	22502378	PHẠM HUỲNH TRÂM	ANH	12/04/07	TL25111			
3	22500821	HÀ QUANG	BẢO	25/09/06	TL25111			
4	22500093	LỤC KIM	CHI	23/12/90	TL25111			
5	22503057	HUỲNH KHẢI	DOANH	04/12/07	TL25111			
6	22500642	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	DOANH	08/06/07	TL25111			
7	22502405	VŨ NGUYỄN	DUY	03/05/07	TL25111			
8	22503178	DƯƠNG VŨ NGỌC	HÂN	08/09/07	TL25111			
9	22503501	NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC	HIỀN	13/06/03	TL25111			
10	22502976	NGUYỄN THỊ MINH	HUYỀN	31/03/05	TL25111			
11	22503437	VŨ NGỌC	HUYỀN	25/11/07	TL25111			
12	22502727	TRẦN VĂN	HÙNG	25/03/07	TL25111			
13	22502401	PHẠM NGUYỄN	KHÁNH	25/10/07	TL25111			
14	22501248	LÊ HOÀNG TUẤN	KHẢI	08/03/07	TL25111			
15	22503823	TRƯƠNG VĨ MINH	KHOA	19/02/02	TL25111			
16	22502106	NGÔ QUỲNH	LAM	18/09/06	TL25111			
17	22503033	NGUYỄN NGỌC THỦY	LÂM	20/12/07	TL25111			
18	22500270	NGUYỄN ĐÌNH THỊ HỒNG	LIÊN	12/11/02	TL25111			
19	22500979	NGUYỄN KHÁNH	LINH	07/06/07	TL25111			
20	22501081	HUỲNH TUYẾT	VÂN	20/12/07	MC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 1900 – Số hiệu lớp: 3741
Giảng viên: Trần Kim Thảo
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501893	CAO NGỌC THANH	AN	17/09/07	BL25111			
2	22501830	LÊ QUỲNH	ANH	12/04/07	NL25111			
3	22501331	LƯU THÁI	BẢO	24/10/07	NL25111			
4	22503168	NGUYỄN MINH	CHÂU	06/02/07	BL25111			
5	22503364	TRƯƠNG MINH KỲ	DUYÊN	31/10/07	KT25111			
6	22500981	PHẠM ĐỨC	HÀ	08/12/07	BL25111			
7	22501973	BÙI PHẠM GIA	HÂN	19/02/07	KT25111			
8	22502898	TRẦN NGỌC BẢO	HÂN	26/01/07	MC25111			
9	22502743	NGUYỄN MINH	HIỀN	20/11/07	NL25111			
10	22501205	HỒNG GIA	HUY	30/08/07	BL25111			
11	22503542	LÊ MINH	HUY	05/03/07	FT25111			
12	22503254	NGUYỄN THỊ THÚY	HUYỀN	04/01/07	BL25111			
13	22501001	LƯƠNG GIA	KHANG	30/03/07	BL25111			
14	22502327	TẠ PHƯƠNG	LINH	23/05/07	NL25111			
15	22500927	PHÙNG NGÔ HOÀNG	LỘC	10/11/07	NL25111			
16	22503274	ĐẶNG LÊ KIM	NGÂN	16/11/07	NL25111			
17	22501777	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	29/08/07	KT25111			
18	22503422	HUYỀN HOÀNG KHÔI	NGUYỄN	22/12/07	BL25111			
19	22502192	HOÀNG TRỌNG	NHÂN	29/05/07	BL25111			
20	2193504	ĐOÀN MINH	NHỰT	21/04/01	TK19121			
21	22500393	DƯƠNG HOÀNG	PHÚC	23/05/07	FT25111			
22	22503215	NGUYỄN GIA	PHÚC	02/09/07	BL25111			
23	22500783	BÙI HÀ LINH	PHƯƠNG	14/03/06	KT25111			
24	22502904	NGUYỄN NGỌC BẢO	PHƯƠNG	18/12/07	BL25111			
25	22014611	NGUYỄN VŨ TÚ	QUYÊN	25/02/02	TV20111			
26	22503467	NGUYỄN ĐÌNH	TÂN	24/05/07	KT25111			
27	22500982	HỒ ANH	THẢO	03/11/07	NL25111			
28	22503234	NGÔ MINH	THƯ	07/05/07	KT25111			
29	2191502	PHẠM MINH	TRÍ	18/12/01	TV19111			
30	22503314	LƯU MINH	UYÊN	24/11/07	FT25111			Cấm thi
31	22012273	TRẦN THUY THANH	VY	27/12/02	KS20111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2000 – Số hiệu lớp: 3742
Giảng viên: Tăng Lâm Thảo Uyên
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503271	HUỲNH NGỌC QUẾ	ANH	13/05/07	MK25111			
2	22501953	LÊ TRẦN KIM	ANH	05/10/07	MK25111			
3	22503412	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	05/02/07	MK25111			
4	22501059	TRẦN QUỲNH	ANH	25/12/07	MK25111			
5	22500382	TRƯƠNG BẢO	ANH	20/08/07	MK25111			
6	22503488	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÁNH	24/10/06	MK25111			
7	22501966	TRẦN NGỌC BÍCH	CHIẾU	29/11/07	MK25111			
8	22501096	LÊ THANH	DƯƠNG	24/01/07	MK25111			
9	22501599	TRẦN ĐẠI HẢI	ĐĂNG	16/04/07	MK25111			
10	22400083	PHAN VŨ THUY MINH	ĐOAN	22/03/06	MK24111			
11	22502091	TRẦN KHẢ	HÂN	04/02/07	MK25111			
12	22500721	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	05/12/07	MK25111			
13	22502980	VÕ TÁ	KIỆT	27/01/07	MK25111			
14	22503408	KHOA KHÁNH	LINH	20/10/07	MK25111			
15	22501898	LÊ THÙY	LINH	09/06/07	MK25111			
16	22500906	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	LINH	06/11/07	MK25111			
17	22501858	ĐẶNG HÀ LẠC	MIỀN	16/06/07	MK25111			
18	22501586	PHAN LÊ MINH	NGỌC	11/05/07	MK25111			
19	22503113	PHAN THỊ KHÁNH	NHI	10/06/06	MK25111			
20	22503008	ĐỖ MINH BẢO	PHƯƠNG	05/10/07	MK25111			
21	22500659	NGUYỄN KHA MINH	QUÂN	13/10/07	MK25111			
22	22503106	NGUYỄN KIM	QUI	27/07/07	MK25111			
23	22500916	LƯU HOÀNG	QUỐC	27/11/07	MK25111			
24	22503263	LÊ NHƯ	QUỲNH	24/07/07	MK25111			
25	22207640	NGUYỄN ĐÌNH VIỆT	THÁI	19/08/01	KN22111			
26	22501354	CHU HIẾU	THIỆN	16/03/07	MK25111			
27	22501924	NGUYỄN NGỌC MINH	THỨ	29/11/07	MK25111			
28	22400502	TRẦN HOÀI	THỨ	02/03/00	MK24111			
29	22503085	NGUYỄN GIA BẢO	THY	19/07/07	MK25111			
30	22503340	ĐÌNH GIA	TRANG	21/11/07	MK25111			
31	22400078	VÕ THANH	TRÀ	03/11/02	MK24111			
32	22502426	BÙI KHÁNH	TRINH	27/06/07	MK25111			
33	22500719	PHẠM MỸ TUYẾT	TRINH	22/03/07	MK25111			
34	22503052	LÊ HỮU	TRÍ	25/09/07	MK25111			
35	22501240	TRẦN HỮU	TRỌNG	30/12/07	MK25111			
36	22502525	HOÀNG MAI THANH	TRÚC	05/03/07	MK25111			
37	22502921	LÝ NGỌC	TRÚC	06/12/07	MK25111			
38	22503272	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	06/11/07	MK25111			
39	22502639	NGUYỄN KIM	TÚ	28/08/07	MK25111			
40	22502562	NGUYỄN MINH	VIỆT	29/06/07	MK25111			
41	22503208	NGUYỄN THẢO	VY	27/02/07	MK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2100 – Số hiệu lớp: 3743
Giảng viên: Trương Trúc Quỳnh
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501002	LƯƠNG GIA	AN	30/03/07	NH25111			
2	22500920	TRẦN QUỲNH	ANH	01/10/07	TL25111			
3	22100264	TRỊNH QUỐC	ANH	06/08/03	TN21111			
4	22501604	LỮ THANH GIA	BẢO	17/11/07	MC25111			
5	22501542	PHẠM BẠCH	DƯƠNG	06/05/07	TL25111			
6	2193191	HUYỀN ĐOÀN MINH	ĐẠT	05/11/01	MK19111			
7	22501352	PHẠM HẢI	ĐĂNG	15/11/07	TL25111			
8	22500692	HUYỀN IN PHAN	HẢO	15/04/07	NH25111			
9	22500710	HÀ LÊ NGỌC	HÂN	22/05/07	TL25111			
10	22501876	PHẠM GIA	HÂN	25/11/07	TL25111			
11	22501407	TRỊNH KHÁNH	HÂN	31/01/07	TL25111			
12	22502711	TRẦN THỊ THANH	HẰNG	30/12/07	SE25111			
13	22500486	TỔNG MINH	HIỂN	19/02/07	SE25111			Cấm thi
14	22502568	NGUYỄN NGỌC SÔNG	HOÀI	18/11/07	TL25111			
15	22500700	NGUYỄN AN	KHUÊ	21/11/07	TL25111			
16	22500800	PHAN HOÀNG KHÁNH	LINH	29/08/06	SE25111			
17	22500933	TỬ THỊ MINH	LÝ	21/06/07	TL25111			
18	22502575	LÊ THỊ THẢO	NGÂN	07/04/07	TL25111			
19	22119437	TRẦN MINH	NHÂN	20/02/03	TN21111			
20	22501928	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	03/12/07	NH25111			
21	22500411	HUYỀN THỊ THANH	NHƯ	25/02/06	TL25111			
22	22501888	NGUYỄN QUỲNH Ý	NHƯ	23/08/07	NH25111			
23	22502547	NGUYỄN THỊ ANH	SÁNG	16/10/07	NH25111			
24	22500671	PHẠM THỊ MAI	THI	15/01/07	TL25111			
25	22503315	BÙI THANH	THIỆN	05/02/07	TL25111			
26	22503082	TRẦN NHẬT	THIỆN	19/07/07	NH25111			
27	22501293	NGUYỄN MINH	THỨ	22/05/07	NH25111			
28	22503329	TRẦN LONG THANH	THỨ	13/09/07	TL25111			
29	22502322	VÕ MAI	THY	17/09/07	SE25111			
30	22502199	NGUYỄN PHẠM ĐĂNG	TRÍ	31/08/07	NH25111			
31	22500539	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	20/11/07	NH25111			
32	22503506	LÊ THẢO	VY	30/12/07	NH25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2500 – Số hiệu lớp: 3717
Giảng viên: Nguyễn Phan Thu Thảo
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22502319	HUỲNH LÊ PHƯƠNG	ANH	20/11/07	EM25111			Cấm thi
2	22503221	NGUYỄN LÊ QUỲNH	ANH	25/09/07	EM25111			
3	22113704	TRẦN LAN	ANH	29/05/03	LG21111			
4	22501097	VÕ PHẠM QUỲNH	ANH	22/08/07	EM25111			
5	22502120	ĐOÀN CÔNG	BẢO	12/10/07	EM25111			
6	22500376	TRẦN HỒ KHÁNH	BĂNG	24/06/07	EM25111			
7	22503317	TRẦN NGỌC TRÚC	ĐAN	13/08/07	EM25111			
8	22500569	HUỲNH NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	29/01/07	EM25111			
9	22503196	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	HÀ	11/12/07	EM25111			
10	22115094	LÊ DUY	HÀO	21/10/03	LG21111			
11	22500702	CAO NGỌC	HÂN	24/04/07	EM25111			
12	22501486	HOÀNG QUỐC	HUY	25/10/07	EM25111			
13	22502198	NGUYỄN TUẤN	KHIÊM	03/06/07	EM25111			
14	22500915	HỒ VÕ NGỌC ANH	KHOA	16/04/07	EM25111			
15	22500010	NGUYỄN QUANG	MINH	07/12/05	TV251			
16	22500334	LỮ MON NGA	NALIN	04/05/05	MC25111			
17	22500605	THÁI HIẾU	NGÂN	18/05/07	EM25111			
18	22500991	LÊ KIM	NGỌC	09/02/07	EM25111			
19	22501507	HUỲNH HỒ UYÊN	NHI	07/03/07	EM25111			
20	22501130	NGUYỄN VÕ Ý	NHƯ	20/04/06	EM25111			
21	22502965	NGUYỄN KHÁNH	PHƯƠNG	02/09/07	EM25111			
22	22501826	TRIỆU NGỌC THANH	PHƯƠNG	24/10/07	EM25111			
23	22500216	TRẦN THÁI	TÂM	26/11/05	TV251			Cấm thi
24	22500825	ĐỖ BỘI	THANH	03/04/07	EM25111			
25	22501307	HÀ VŨ THIÊN	THANH	17/10/07	EM25111			
26	22501316	PHAN DUY	THÁI	23/04/07	EM25111			
27	22501313	DƯƠNG NHẬT ĐAN	THỨ	26/08/07	EM25111			
28	22502413	NGUYỄN ANH	TUẤN	05/11/04	EM25111			
29	22503638	NGUYỄN NGỌC TÚ	UYÊN	09/06/99	EM25111			
30	22501225	NGUYỄN HỮU	VINH	03/01/07	EM25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3300 – Số hiệu lớp: 3719
Giảng viên: Trần Nguyễn Hoài Phương
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500853	ĐÌNH NGUYỄN KIỀU	AN	19/10/07	PR25111			
2	22500232	NGUYỄN HUỲNH BẢO	ANH	26/11/06	PR25111			
3	22500265	PHẠM TÂM	ANH	28/03/04	DA25111			
4	22501056	THÁI GIA	ÂN	17/12/07	PR25111			
5	22500679	PHẠM TRẦN DUY	BẢO	30/03/07	PR25111			
6	22500965	HOÀNG MINH	CHÂU	04/09/07	PR25111			
7	22503629	LƯƠNG KHÁNH	DUY	12/03/00	PR25111			
8	22503405	TÔ TRẦN CẨM	HUYỀN	18/01/07	PR25111			
9	22503193	ĐẶNG MINH	KHUÊ	05/06/07	PR25111			
10	22503583	LÊ THƯ	KỶ	23/09/06	PR25111			
11	2196593	NGUYỄN THANH TRÚC	LAM	22/10/01	TL1911			Cấm thi
12	22501094	PHƯƠNG KHÁNH	LINH	30/03/07	PR25111			
13	22500235	NGUYỄN KHÁNH	LONG	29/11/01	TV251			
14	22500420	QUAN MÃN	NGHI	11/10/06	DA25111			
15	22500438	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	NGHI	02/03/06	DA25111			
16	22501089	NGÔ BẢO	NGỌC	19/05/07	PR25111			
17	22503612	LÊ VÕ PHÚC	NGUYỄN	02/11/05	PR25111			Cấm thi
18	22502032	TRẦN THẢO	NGUYỄN	06/04/07	PR25111			
19	22503030	NGUYỄN NGÔ UYÊN	NHÃ	01/01/07	DA25111			
20	22503326	VÕ NGUYỄN TRÚC	PHƯƠNG	22/04/07	DA25111			
21	22500379	HOÀNG VĂN	QUANG	03/12/04	LG25111			
22	22500182	HUỲNH TẤN	SANG	02/09/02	QL25111			
23	22500973	NGUYỄN THANH MINH	TÂM	27/11/07	PR25111			
24	22501737	VÕ MINH	THẢO	11/04/07	PR25111			
25	22503013	LÝ QUỐC	THẮNG	08/12/06	PR25111			
26	22501955	HOÀNG NGỌC BẢO	THY	08/07/07	PR25111			Cấm thi
27	22501112	DƯƠNG THỊ THỦY	TIỀN	22/10/07	DA25111			
28	22500949	TRẦN LÊ THUỖ	TIỀN	25/08/07	PR25111			
29	22501055	ĐÀO MINH	TRANG	03/12/05	PR25111			
30	22500831	NGUYỄN PHÚC BẢO	TRÂN	03/11/07	PR25111			
31	22500195	HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	24/11/05	PR25111			
32	22501154	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	12/01/07	PR25111			
33	22503173	ĐẶNG LÊ KHÁNH	VY	06/05/07	PR25111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3800 – Số hiệu lớp: 3723
Giảng viên: Ngô Anh Chi
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501162	TRẦN LÊ KHÁNH	AN	27/10/07	TN25111			Cấm thi
2	22501173	DƯƠNG THỊ LAN	ANH	03/05/06	TK251			
3	22501134	PHAN NGỌC QUỲNH	ANH	26/09/06	TK251			
4	22500603	LÊ NGỌC BẢO	ÁI	26/01/07	DA25111			
5	22503553	TRẦN VĂN	BẢO	28/03/06	TK251			
6	22500404	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	30/12/06	TK251			
7	22500600	TẶNG HỮU	DUY	26/11/07	DA25111			
8	22500239	LÊ MỸ	DUYÊN	10/02/06	DA25111			
9	22500018	TRẦN PHÚC NGỌC CHÂU	HÂN	15/09/04	TV251			
10	22503175	TRƯƠNG GIA	HUY	08/04/07	TN25111			
11	22501368	TRƯƠNG QUANG	HUY	26/03/07	TK251			
12	22502986	LÊ NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	23/12/07	TN25111			
13	22500847	LÊ TRẦN MINH	KHÔI	22/11/07	TK251			
14	22500886	VŨ ĐÌNH	KHÔI	23/03/06	DA25111			
15	22503811	VŨ ĐỨC ANH	KHÔI	09/01/07	EC25111			
16	22501144	NGUYỄN TRẦN NGỌC	KHUYỀN	04/12/06	DA25111			
17	22501862	NGUYỄN LÊ NGỌC THIÊN	KIM	25/08/07	TK251			
18	22500929	TRẦN THỨC ANH	KIM	27/09/07	TN25111			Cấm thi
19	22501009	TRẦN NGỌC THẢO	LINH	15/04/07	DA25111			
20	22500918	TRẦN NHÃ	LY	07/05/07	DA25111			
21	22503089	VÕ ĐÔNG PHƯƠNG	NAM	25/08/06	DA25111			
22	22503116	SẦM LÊ KIỀU	NGÂN	18/06/07	TN25111			
23	22501168	NGUYỄN PHÚC PHƯƠNG	NGHI	10/11/07	TN25111			
24	22500562	TRẦN MỸ	NGỌC	11/03/05	TK251			
25	22500384	NGUYỄN MINH	PHÁT	23/06/03	TK251			
26	22500804	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	16/07/05	TN25111			Cấm thi
27	22403190	DƯƠNG GIA	THỊNH	22/01/01	DK24111			
28	22503067	HUYỀN NGỌC BẢO	THỤY	10/07/07	TN25111			
29	22501156	ĐÌNH NGUYỄN ĐOAN	TRANG	16/04/06	TK251			
30	22503697	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	06/11/07	TK251			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3900 – Số hiệu lớp: 3724
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Thiên Nam
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503192	NGUYỄN HỒ KIM	ANH	15/03/07	DL25111			
2	22500506	NGUYỄN	BIN	01/11/06	DL25111			Cấm thi
3	22501281	HOÀNG KIM	DUNG	12/11/06	DL25111			
4	22503283	ĐẶNG NGỌC GIA	HÂN	12/01/07	DL25111			
5	22501160	ĐẶNG QUANG	HIẾU	21/07/07	DL25111			
6	22501000	TRẦN MINH	HIẾU	07/12/07	DL25111			
7	22501715	PHAN QUỐC	HUY	25/09/05	DL25111			
8	22500425	HUYỀN ĐĂNG	KHOA	26/12/07	DL25111			
9	22503436	NGUYỄN TRẦN ANH	KHOA	13/06/03	DL25111			
10	22501736	NGUYỄN PHI	LONG	03/12/07	DL25111			
11	22501005	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	LONG	28/04/07	DL25111			
12	22503404	DƯƠNG HOÀNG	MINH	01/05/07	DL25111			
13	22502449	TRẦN QUANG	MINH	03/12/07	DL25111			
14	22503124	CHÂU NGỌC HẢI	MY	13/06/07	DL25111			
15	22503394	HỒ HẢI	NGUYỄN	06/04/07	DL25111			
16	22500338	TRẦN HỮU	NGUYỄN	11/03/03	NT25111			
17	22501232	NGUYỄN THỊ AN	NHÂN	19/04/07	DL25111			
18	22500696	THÁI XUÂN	NHƯ	16/11/07	DL25111			
19	22502807	NGUYỄN XUÂN	PHONG	23/09/07	DL25111			
20	22501712	MAI TRẦN THANH	PHƯƠNG	03/08/07	DL25111			
21	22502262	PHẠM ĐẮC MINH	QUỐC	04/09/07	DL25111			
22	22503686	MẠC HUỖNH THANH	TÂM	09/06/07	DL25111			
23	22500962	NGUYỄN SỸ	TÂN	30/06/03	DL25111			
24	22503091	ĐẶNG THANH	THUẬN	23/01/07	DL25111			
25	22501068	PHẠM MỸ	TIỀN	05/12/07	DL25111			
26	22501853	ĐỖ BẢO	TRÂM	29/08/07	DL25111			
27	22503846	LÝ CẨM	TÚ	08/06/03	TV251			
28	22002567	PHẠM LONG	VĨ	03/01/02	NH20111			
29	22503290	LÂM NHƯ	Ý	28/10/07	DL25111			
30	22503484	LÊ THỊ NHƯ	Ý	25/04/06	DL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4500 – Số hiệu lớp: 3725
Giảng viên: Bùi Ngọc Quế Anh
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 009 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500640	TẠ NGUYỄN QUYỀN	AN	08/10/07	DK25111			
2	22502350	DƯƠNG NGUYỄN HOÀNG	ANH	17/12/07	DK25111			
3	22503494	LÊ TUẤN	ANH	03/01/06	DK25111			
4	22500739	PHAN PHƯƠNG	ANH	12/09/07	DK25111			
5	22500196	NGUYỄN CHÍ	BẢO	06/12/04	DK25111			
6	22500272	CAO LÂM NGỌC	CHÂU	10/12/97	DK25111			
7	22501296	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂU	01/08/07	DK25111			
8	22503599	VŨ CHÍ	CÔNG	19/10/05	DK25111			Cấm thi
9	22501007	QUÁCH QUANG	HUY	19/11/07	DK25111			
10	22500978	CAO QUỐC	HÙNG	26/04/07	DK25111			
11	22500215	LÊ VĨNH	KHANG	28/07/05	DK25111			
12	22500718	NGUYỄN BÁ PHÚC	KHÁNH	02/09/07	DK25111			
13	22502924	VŨ ANH	KHOA	28/09/07	DK25111			
14	22502994	HÀ THỊ NGỌC	LINH	28/12/07	DK25111			
15	22500904	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGÂN	18/10/07	DK25111			
16	22502963	CAO MINH	NGỌC	21/01/07	DK25111			
17	22501472	HUYỀNH ĐOÀN PHƯƠNG	NGỌC	25/06/07	DK25111			
18	22500647	NGUYỄN LÊ MINH	NGUYỆT	17/02/05	DK25111			
19	22501347	CHÂU THẢO	NGUYỄN	23/04/07	DK25111			
20	22503242	NGUYỄN NỮ VĨ	NHI	11/01/07	DK25111			
21	22501169	NGUYỄN TẤN	PHÁT	09/04/07	DK25111			
22	22501166	PHÙNG NGỌC NAM	PHƯƠNG	31/12/07	DK25111			
23	22500655	LA NGHĨA	QUÍ	21/05/07	DK25111			
24	22501208	QUẢN NGỌC	QUYỀN	07/10/07	DK25111			
25	22502597	NGUYỄN HOÀNG DU	SA	19/07/07	DK25111			
26	22500436	NGUYỄN TRẦN TRUNG	TÍN	22/11/07	DK25111			
27	22502083	NGUYỄN LÊ ANH	TRÚC	06/04/07	DK25111			
28	22500912	PHẠM HỮU ANH	TUẤN	17/12/05	DK25111			Cấm thi
29	22500809	HUYỀNH VĨNH	TƯỜNG	17/12/07	DK25111			
30	22500604	NGUYỄN KHÁNH	VY	12/08/07	DK25111			
31	22501024	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	03/12/07	DK25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 6700 – Số hiệu lớp: 3733
Giảng viên: Nguyễn Thị Huệ
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 116 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501433	ĐỖ NHẬT	ANH	25/06/07	QL25111			
2	22501111	HOÀNG HỮU TUẤN	ANH	30/12/07	QL25111			
3	22503582	NGUYỄN ĐỨC	ANH	04/09/07	QL25111			Cấm thi
4	22503260	PHẠM QUANG	ANH	01/06/07	QL25111			
5	22503102	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	18/09/07	QL25111			
6	22500076	TRẦN GIA	BẢO	25/08/05	QL25111			
7	22501277	TÔ PHẠM HỮU	BẰNG	05/03/07	QL25111			
8	22503822	HUYỀN MINH	DŨNG	22/12/05	PM25111			
9	22501148	NGUYỄN TẤN	DŨNG	04/06/07	QL25111			
10	22503669	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	03/07/07	PM25111			
11	22502465	NGUYỄN HỮU MINH	ĐẠI	10/09/07	QL25111			
12	22503674	TRẦN THÀNH	ĐẠT	27/06/07	PM25111			
13	22503808	TRẦN KHẢ	HÀO	01/03/05	PM25111			
14	22503022	LÝ SỞI	HẰNG	01/01/07	QL25111			
15	22502466	NGUYỄN GIA	HOÀNG	20/12/07	QL25111			
16	22500058	NGUYỄN VŨ NGỌC	HOÀNG	24/10/04	QL25111			
17	22501394	LƯU ĐỨC	HÒA	07/04/07	QL25111			
18	22500846	HỒ NGỌC	HUY	10/04/07	PM25111			
19	22500529	TRẦN PHAN QUANG	HUY	07/02/07	QL25111			Cấm thi
20	22500941	NGUYỄN DUY	KHÁNH	01/05/07	QL25111			
21	22503312	NGUYỄN GIA	KHIÊM	07/05/07	QL25111			
22	22500453	TRẦN MINH	KHOA	11/11/07	QL25111			
23	22502168	SỖ CHÍ	KHÔI	05/10/07	PM25111			
24	22503819	NGUYỄN MINH	KHÔI	13/03/02	PM25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 6700 – Số hiệu lớp: 3733
Giảng viên: Nguyễn Thị Huệ
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 117 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500717	LƯU DOÃN	KHUÊ	06/06/07	QL25111			
2	22500417	NGUYỄN HOÀNG XUÂN	LINH	31/08/05	QL25111			
3	22503812	TRẦN NGUYỄN KIM	LONG	05/08/07	PM25111			
4	22501305	NGUYỄN HỒ MỸ	NGỌC	08/09/07	QL25111			
5	22502142	LỮ VĨNH	NGUYỄN	31/05/07	QL25111			Cấm thi
6	22503355	VĂN ĐÌNH	NHẬT	15/12/02	QL25111			Cấm thi
7	22500765	VÕ YẾN	NHI	04/12/07	QL25111			
8	22500525	NGUYỄN HỮU	PHÁT	29/08/06	QL25111			
9	22502996	HUỖNH GIA	PHÚ	09/08/07	QL25111			
10	22500535	NGUYỄN NHỰT HOÀNG	PHÚC	10/09/07	QL25111			
11	22502266	DƯ TẤN	QUANG	06/04/07	PM25111			
12	22502471	HOÀNG NHẬT	QUANG	08/08/07	PM25111			
13	22501635	NGUYỄN THANH	SIÊU	15/10/05	QL25111			
14	22502208	TRẦN VĂN	TÂM	06/01/07	PM25111			
15	22502505	LÊ HOÀNG NHẬT	TÂN	28/06/07	QL25111			
16	22503806	LƯU NGUYỄN QUỐC	TÂN	18/03/07	PM25111			
17	22502612	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TẤN	02/12/07	QL25111			
18	22500953	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TRANG	03/10/06	QL25111			
19	22501588	LÊ THỊ BẢO	TRẦN	09/08/07	QL25111			
20	22503005	HỒ BẢO MINH	TRIẾT	23/06/07	QL25111			
21	22503809	PHẠM ANH	TÚ	09/08/07	PM25111			
22	22012400	CAO THUỶ	VI	09/10/02	NL20111			
23	22501318	PHAN THANH	VIỆT	19/08/07	QL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 7100 – Số hiệu lớp: 3734
Giảng viên: Đỗ Quốc Khánh
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503166	NGUYỄN LÊ ĐỨC	ANH	18/10/07	TV251			
2	22500850	NGUYỄN THỊ TRÚC	ANH	11/06/07	TV251			
3	22501250	TRẦN QUỐC	ANH	11/06/07	TV251			
4	22501090	VÕ NGỌC THIÊN	ÂN	07/02/07	TV251			
5	22500750	PHẠM CÔNG	BÚT	26/11/07	TV251			
6	22503444	HUỖNH ANH	CƯỜNG	20/02/07	TV251			
7	22500805	LÊ MẠNH	CƯỜNG	08/12/07	TV251			
8	22500643	TRƯƠNG NGỌC	DUNG	07/10/07	TV251			
9	22502665	NGUYỄN HOÀNG ANH	DUY	04/04/07	TV251			
10	22502591	PHẠM NHẬT LÂM	DUY	02/11/07	TV251			
11	22500830	TRẦN THANH	ĐĂNG	25/09/07	TV251			
12	22500942	PHẠM PHÚ	ĐỨC	04/10/07	TV251			
13	22500888	TRẦN THIÊN	ĐỨC	08/07/07	TV251			Cấm thi
14	22500607	LÊ THANH	HOÀNG	06/10/07	TV251			
15	22500502	HUỖNH QUỐC	HUY	18/10/07	TV251			
16	22503838	HUỖNH QUỐC	HUY	04/11/04	TV251			
17	22503096	LÝ QUỐC	HUY	12/03/07	TV251			
18	22501273	TRƯƠNG ĐÌNH	HUY	19/05/07	TV251			Cấm thi
19	22503526	HOÀNG	KHANG	15/11/05	TV251			
20	22500858	NGUYỄN DUY	KHÁNH	24/10/07	TV251			
21	22500764	TRỊNH ANH	KHOA	15/05/07	TV251			
22	22500550	LÊ MINH	KHÔI	04/11/06	TV251			
23	22503413	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	15/09/07	TV251			
24	22501295	NGUYỄN HỒNG THIÊN	KIM	20/08/07	TV251			
25	22501146	ĐỖ MẠNH	LAI	26/11/07	TV251			
26	22500714	PHAN NGUYỄN HOÀNG	LÂM	19/02/07	TV251			
27	22501419	NGUYỄN HOÀNG	LINH	10/11/07	TV251			
28	22503218	NGUYỄN TIỂU	LONG	16/12/07	TV251			
29	22503665	TRIỆU GIA	MINH	26/05/06	TV251			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 7200 – Số hiệu lớp: 3735
Giảng viên: Vương Ngọc Tiên
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 019 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503607	LÊ CÔNG	KHANG	05/01/07	TV251			
2	22501539	NGUYỄN THỊ THÚY	MAI	10/12/07	TV251			
3	22501698	NGUYỄN NGỌC THU	MINH	14/12/07	TV251			
4	22500325	PHẠM QUỐC	MINH	08/12/04	TV251			
5	22501906	THÁI HUỆ	MINH	05/09/07	TV251			
6	22502872	TRƯƠNG NGUYỄN DIỄM	MY	03/02/07	NT25111			Cấm thi
7	22501353	NGUYỄN THẾ	NAM	25/03/07	TV251			
8	22500720	CAM KIM	NGÂN	09/08/07	TV251			
9	22503069	NGUYỄN LÊ THANH	NGÂN	05/01/03	TV251			
10	22503131	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	NGHI	17/11/07	TV251			
11	22503483	LÂM YẾN	NGỌC	17/06/07	TV251			
12	22500497	NGUYỄN VÕ KHÁNH	NGỌC	11/10/06	TV251			
13	22501013	LƯƠNG PHỤNG	NHI	27/11/07	TV251			
14	22501108	TRƯƠNG HỒNG	NHUNG	07/10/07	TV251			
15	22502115	TẶNG ĐÌNH	PHÚ	12/10/07	TV251			
16	22500542	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	02/06/07	TV251			
17	22501298	ĐỖ NGỌC HOÀI	PHƯƠNG	05/06/07	TV251			
18	22503410	THỊNH THỊ LAN	PHƯƠNG	01/07/05	TV251			
19	22501028	QUÁCH ĐẠT	PHƯỚC	26/04/06	TV251			
20	22502679	LÊ MINH	QUÂN	19/05/07	TV251			
21	22501993	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC	TÂM	04/08/07	TV251			
22	22502668	NGUYỄN HOÀNG	THANH	25/02/07	TV251			
23	22500584	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	18/08/07	TV251			
24	22205610	HỒ XUÂN	THỊNH	14/09/02	NT22111			
25	22501271	LÊ QUỐC	THỊNH	11/11/07	TV251			
26	22501398	VŨ THỊ MAI	TRANG	20/02/07	TV251			
27	22503518	TUNET NAI	TRIỀU	15/08/07	TV251			Cấm thi
28	22502409	NGUYỄN BÁ	TRƯỜNG	19/06/07	TV251			
29	22501140	NGUYỄN NGỌC ANH	TUẤN	20/04/07	TV251			
30	22501772	HUỲNH NGỌC NHÃ	UYÊN	02/04/07	TV251			
31	22503071	BÙI HÀ TIỂU	VI	17/04/07	TV251			
32	22503331	HOÀNG NGUYỄN PHƯƠNG	VY	21/12/07	TV251			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 2 (GE005DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 8000 – Số hiệu lớp: 3720
Giảng viên: Võ Hoàng Khiêm
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501158	NGUYỄN NỮ KIỀU	ANH	12/01/07	TC25111			
2	22502318	TRẦN NGÔ MINH	ANH	05/08/07	TC25111			
3	22502503	TRẦN TUẤN	ANH	18/01/07	TC25111			
4	22503181	DƯƠNG HOÀNG	ÂN	16/09/02	TC25111			
5	22502509	TRẦN ĐỨC	DUY	30/06/07	TC25111			
6	22501152	MAI LÊ	DƯƠNG	24/11/07	TC25111			
7	22502063	NGUYỄN GIA	HÂN	06/05/07	TC25111			
8	22500582	LÊ DƯƠNG HUỖNH	HƯƠNG	06/08/07	TC25111			
9	22500757	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	16/11/07	TC25111			
10	22501567	PHẠM LÊ ĐĂNG	KHOA	04/12/07	TC25111			
11	22502962	TỪ NGỌC	KHÔI	30/06/07	KS25111			
12	22503270	MẠCH TUẤN	KIỆT	28/10/07	TC25111			
13	22300894	NGUYỄN NHẬT	LAM	02/05/05	NT23111			
14	22502913	ĐỖ NGUYỄN GIA	LINH	28/11/07	TC25111			
15	22500694	LUYỆN LÊ HÂN	LY	30/07/07	TC25111			
16	22503586	HỒ GIA	MINH	25/04/01	TC25111			
17	22503264	TẶNG SỞ	MY	05/09/07	TC25111			
18	22502549	HÀ MINH	NGỌC	25/12/07	TC25111			Cấm thi
19	22503454	VÕ KIM	NGỌC	08/11/07	TC25111			Cấm thi
20	22500687	ĐINH NGUYỄN THÀNH	NHÂN	24/11/07	TC25111			
21	22500793	LÊ THỊ YẾN	NHI	16/03/07	TC25111			Cấm thi
22	22503176	HỒ NGUYỄN TRÚC	QUỲNH	18/02/07	TC25111			
23	22502470	NGUYỄN THANH	SƠN	15/01/07	TC25111			
24	22500967	NGUYỄN MINH	THY	10/12/07	TC25111			
25	22503392	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	20/01/07	TC25111			
26	22503813	HUỲNH THỊ THÙY	TRINH	16/08/04	TC25111			
27	22503445	TRẦN THỊ PHƯƠNG	TUYỀN	10/05/06	TC25111			Cấm thi
28	22503246	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	UYÊN	02/12/07	TC25111			
29	22501018	MAI NGUYỄN HÀ	VY	05/09/07	TC25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2700 – Số hiệu lớp: 3745
Giảng viên: Lưu Thị Hồng Nhung
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 049 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501680	PHẠM TUẤN	ANH	22/10/07	TV251			
2	22502339	TẠ MAI	ANH	06/12/07	TV251			
3	22502999	DƯƠNG MINH	ÁI	24/04/07	TK251			
4	22501234	TRẦN HỒNG	ÁNH	04/08/07	TV251			
5	22502955	LÊ PHẠM KHẮC	CHUNG	22/04/07	TV251			
6	22502732	PHẠM HOÀNG NGỌC	DUNG	28/01/07	TK251			Cấm thi
7	22500431	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	GIAO	27/11/07	TV251			
8	22502723	HOÀNG NGUYỄN	GIÁP	28/01/07	TV251			
9	22501981	HỖ GIA	HÂN	08/03/07	TV251			
10	22500734	TRẦN NGỌC KHÁNH	HÂN	09/11/07	TV251			
11	22500391	NGUYỄN QUỐC	HUY	19/05/07	TV251			
12	22503236	GHIAN PHƯƠNG	HUỲNH	19/08/07	TV251			
13	22502532	LÊ VĂN	HƯNG	04/10/07	TV251			
14	22500801	TRẦN GIA	HƯNG	11/03/07	TV251			
15	22501196	TRẦN TUẤN	HƯNG	05/11/07	TN25111			Cấm thi
16	22502273	NGUYỄN HUỲNH ANH	KHOA	18/05/07	TV251			
17	22500999	TRẦN MẠNH	KHÔI	14/07/07	TV251			
18	22500697	PHÙNG XƯƠNG	KỶ	11/11/07	TV251			
19	22500428	ĐẶNG THÀNH	LỘC	10/02/07	TV251			
20	22503456	MAI BẢO	NGHI	20/05/07	TV251			
21	22501402	LÊ HỒNG	NGỌC	25/12/07	TK251			
22	22500877	TRỊNH NGỌC BÌNH	NGUYỄN	10/09/07	TV251			
23	22502613	NGUYỄN TRÍ	NGUYỄN	20/12/07	TV251			
24	22503256	ĐỒNG KHÁNH LÂM	NHI	20/06/07	TV251			
25	22500405	NGUYỄN HỒNG KHÃ	NHI	24/04/07	TV251			
26	22500467	ĐỖ HỮU	PHÁT	04/10/07	TV251			
27	22500660	NGUYỄN TRUNG MINH	QUÂN	16/03/07	TV251			
28	22010889	HOÀNG ANH	QUỐC	20/06/02	TV20111			
29	22503504	LÊ THỊ TRÚC	QUỲNH	07/06/07	TV251			
30	22500955	NGUYỄN LÊ NHẬT	QUỲNH	19/11/07	TK251			
31	22500961	LÝ MINH	SAN	25/02/07	TK251			
32	22500758	NGUYỄN THÁI	SƠN	12/06/07	TV251			
33	22503240	HUỲNH KIM	SƯ	30/01/07	TV251			
34	22503448	PHẠM XUÂN	TÂM	25/12/07	TV251			
35	22503261	TRẦN NGỌC	THÀNH	04/10/07	TN25111			
36	22500768	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	TRÂM	03/07/07	TV251			
37	22502438	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	29/11/07	TV251			
38	22502046	TRẦN TUYẾT	VÂN	19/10/07	TV251			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2800 – Số hiệu lớp: 3746
Giảng viên: Doãn Thị Ngọc
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 048 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501776	NGUYỄN QUỲNH	ANH	07/05/07	DL25111			
2	22501435	TRẦN LÊ	ANH	03/04/07	DL25111			
3	22501082	TRẦN MAI LAN	ANH	12/04/07	DA25111			
4	22501629	NGUYỄN GIA	BẢO	25/12/07	DK25111			
5	22500510	NGUYỄN PHẠM BẢO	CHÂU	16/10/07	DA25111			
6	22503100	HUỲNH TRẦN THÙY	DƯƠNG	20/10/07	PR25111			
7	22500654	HUỲNH VĂN	DƯƠNG	06/01/07	DK25111			
8	22503642	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	30/08/07	DA25111			
9	22503004	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	GIANG	24/08/07	DK25111			
10	22501036	BÙI NAM	HẢI	23/09/07	DK25111			
11	22500725	NGUYỄN KIM	HÂN	16/07/07	DK25111			
12	22503197	HÀ XUÂN	HƯƠNG	06/03/07	DK25111			
13	22501333	NGUYỄN THANH DUY	KHÁNH	15/03/07	DK25111			
14	22500650	BÙI ANH	KHOA	17/07/07	DK25111			
15	22503527	HÀ QUỐC	KIỆT	13/09/07	DK25111			
16	22500975	NGUYỄN TRUNG	KIỆN	22/04/07	DK25111			
17	22503171	TRẦN THỊ MỸ	KIM	08/08/07	PR25111			
18	22502040	PHAN NGỌC BÍCH	LAM	12/11/07	DL25111			
19	22500881	LÊ TRÍ	LÂM	17/09/07	DA25111			
20	22501778	PHẠM KIỂU	LINH	08/08/07	DK25111			
21	22014785	DIỆP TỔ	NGA	01/01/02	TT20111			
22	22501693	HOÀNG NGỌC THẢO	NGÂN	21/12/07	DA25111			
23	22501080	TRẦN PHƯƠNG	NGHI	12/09/07	DK25111			
24	22502844	LÊ MAI NHƯ	NGỌC	02/12/07	DK25111			
25	22501620	TRẦN LÊ BẢO	NHƯ	03/07/07	DA25111			
26	22501949	TỪ KHẢI	OANH	13/11/07	PR25111			
27	22501057	LƯU HOÀNG	PHÚC	09/01/07	DK25111			
28	22502260	PHẠM ĐOÀN AN	TÂM	16/04/07	DK25111			
29	22500462	HUỲNH NGỌC	THƠ	27/09/07	DL25111			
30	22503177	PHAN THỊ ANH	THỨ	11/10/07	PR25111			
31	22503024	TRẦN TRUNG	TÍN	10/02/07	DL25111			
32	22500837	LÊ KHÁNH	TOÀN	26/11/07	DK25111			
33	22501870	BÙI THỊ THÙY	TRANG	12/11/07	PR25111			
34	22501299	LÊ KIM KHÁNH	VI	14/11/07	DA25111			
35	22503423	ĐOÀN LÂM BẢO	VY	29/04/07	PR25111			
36	22501078	TRỊNH HOÀNG PHƯƠNG	VY	26/09/07	PR25111			
37	22501343	TRƯƠNG HOÀNG HẢI	VY	29/08/07	PR25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3400 – Số hiệu lớp: 3747
Giảng viên: Trần Kim Thảo
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22502000	HOÀNG HỒNG MINH	ANH	08/09/07	EM25111			
2	22500818	ĐẶNG NGỌC TRẦN	CHÂU	29/08/07	EM25111			
3	22501079	TRẦN MỸ	CHÂU	01/10/07	EM25111			
4	22503287	TẶNG VĨNH	CƯỜNG	15/06/07	EM25111			
5	22501304	DƯƠNG LÊ BẢO	HÂN	15/06/07	EM25111			
6	22502926	HUỲNH CAO	HÙNG	15/04/07	TC25111			
7	22500615	LƯU MỸ	KIM	12/07/07	EM25111			
8	22503077	TRẦN PHƯƠNG	LINH	06/08/07	EM25111			
9	22501204	NGUYỄN THỊ THẢO	MI	20/08/07	EM25111			
10	22500819	LÊ HUỲNH XUÂN	NGÂN	26/11/07	EM25111			
11	22503029	DƯƠNG BÍCH	NGỌC	18/12/07	EM25111			
12	22503105	LÊ HỒNG	NGỌC	04/10/07	TC25111			
13	22500776	TRẦN KIM	NGỌC	09/02/07	EM25111			
14	22500581	LÂM ÁI	NHI	01/01/07	TC25111			
15	22503441	MAI QUỲNH	NHI	16/02/07	EM25111			
16	22503103	NGUYỄN LÊ TRỌNG	PHÚ	01/10/07	TC25111			
17	22500672	ĐỖ NGỌC MAI	THANH	01/10/07	TC25111			
18	22502084	PHẠM NGỌC MINH	THỨ	08/04/07	TC25111			
19	22502717	TRẦN THỊ NGỌC BẢO	TRÂM	16/10/07	EM25111			
20	22501026	PHẠM HUỲNH QUẾ	TRÂN	18/04/07	EM25111			
21	22502559	Y -	UYÊN	17/05/07	EM25111			
22	22503269	NGUYỄN NGỌC	VY	26/03/07	EM25111			
23	22500934	PHẠM PHƯƠNG	VY	09/04/07	EM25111			
24	22502603	TRẦN PHAN THỊ YẾN	VY	12/08/07	TC25111			
25	22500883	DIỆP HOÀN NHƯ	Ý	22/02/07	EM25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 6700 – Số hiệu lớp: 3738
Giảng viên: Trần Trường Hải
Ngày thi: 27/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 108 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22502791	TỪ	AN	21/07/07	QL25111			Cấm thi
2	22503379	HOÀNG THỊ MAI	ANH	02/01/07	PM25111			
3	22503804	PHẠM NGỌC QUỲNH	ANH	21/03/07	PM25111			
4	22501714	ĐẶNG GIA	BẢO	13/01/07	QL25111			
5	22503805	NGUYỄN KIM HOÀNG	BẢO	23/08/07	PM25111			Cấm thi
6	22501099	NGUYỄN THÁI	BẢO	07/06/07	PM25111			
7	22500570	TRẦN NHẬT	DUY	05/06/07	QL25111			
8	22500360	MAI ANH	ĐỨC	12/08/99	QL25111			
9	22503006	HUỲNH LÊ	HIẾU	04/12/07	QL25111			
10	22501019	TRẦN	HIẾU	20/03/07	QL25111			
11	22500794	NGUYỄN QUANG	HUY	02/12/07	QL25111			
12	22500735	NGUYỄN PHÚC	KHANG	30/09/07	QL25111			
13	22502175	LÊ TRẦN GIA	KHIÊM	12/10/07	QL25111			
14	22501272	LÊ VŨ ANH	KHOA	24/06/07	QL25111			
15	22501063	VŨ HUỲNH ANH	KHÔI	07/11/07	QL25111			
16	22500629	PHẠM QUANG	LỘC	30/08/07	QL25111			
17	22501107	NGUYỄN CÔNG	MINH	02/07/07	PM25111			
18	22501571	VÕ NHẬT	NAM	16/11/07	PM25111			
19	22503624	NGUYỄN HUỲNH BẢO	NHƯ	22/04/07	QL25111			
20	22503680	ĐOÀN ANH	PHI	01/08/07	PM25111			
21	22502982	NGUYỄN NGỌC	THỊNH	12/01/06	QL25111			Cấm thi
22	22500845	ĐINH MẠNH	TIẾN	13/01/07	QL25111			
23	22502608	TRẦN MINH	TIẾN	17/01/07	QL25111			
24	22503678	TRƯƠNG ĐỨC	TRÍ	12/12/07	PM25111			
25	22501052	NGUYỄN MINH	TRUNG	18/02/07	QL25111			
26	22500894	PHẠM THẾ	VINH	19/04/07	QL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)